

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bắc Thăng Long có nhu cầu tiếp nhận báo giá của hàng hóa để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán: Mua sắm vật tư y tế (lần 2) năm 2026 thuộc dự toán mua sắm hàng năm tại đơn vị với nội dung cụ thể sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu thông tin:**

1. Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Bắc Thăng Long - Tổ 18 - xã Thụ Lâm - thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người trực tiếp nhận thông tin:

Phòng Vật tư - thiết bị y tế (Liên hệ Dược sỹ Tuấn; Dược sỹ Thúy Anh)

Số điện thoại: 097 08852368/ 098 974857. Email: vttbytbvbt@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận:

- Yêu cầu báo giá này đã được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> và trên Website Bệnh viện theo địa chỉ: <http://benhvienbachthanglong.org.vn>.

Nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày đăng tải thành công yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia (*Biểu mẫu báo giá tại Phụ lục 02 kèm theo*).

Sau thời điểm nêu trên Bệnh viện sẽ không tiếp nhận các thông tin gửi đến.

- Bản cứng gửi theo địa chỉ:

Phòng Vật tư - thiết bị y tế

Bệnh viện Bắc Thăng Long - Tổ 18 - xã Thụ Lâm - thành phố Hà Nội.

(*Bản mềm gửi kèm cùng USB theo báo giá*)

### **II. Nội dung yêu cầu cung cấp thông tin:**

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu cung cấp báo giá:

(*Chi tiết yêu cầu tại Phụ lục 01 kèm theo*)

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Bắc Thăng Long.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 365 ngày sau khi hợp đồng được ký kết (đặt hàng nhiều đợt theo nhu cầu sử dụng tại Bệnh viện).

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng hợp đồng, thanh toán theo từng mã đặt hàng trong vòng 90 ngày khi có đầy đủ các thủ tục thanh toán.

5. Đơn vị cung cấp gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Giấy phép đăng ký kinh doanh; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh thiết bị y tế (hoặc tương đương); Cattalog của hàng hóa hoặc tài liệu chứng minh tính năng, thông số kỹ thuật (nếu có); Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (trong vòng 12 tháng, nếu có).

- Số lượng báo giá: 01 bản.

Kính mong các đơn vị tham gia và cung cấp tài liệu./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng CNTT (để đăng tải Website);
- Phòng VT-TBYT (để đăng tải Hệ thống mua sắm công);
- Lưu: VT, VT-TBYT.



GIÁM ĐỐC

Vũ Thành Chung

**Phụ lục 01: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ**  
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 64/YCBG-BVBT/ ngày 04/5/2026)

STT (Theo nhóm)	STT mời chào giá	Mã vật tư (Theo TT04/2017/TT-BYT được sửa đổi bổ sung tại TT 24/2025/TT-BYT)	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản (hoặc tương đương)	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng yêu cầu báo giá	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
<b>I</b>		<b>Danh mục vật tư phẫu thuật Phaco</b>						
1	1	N02.02.010	Băng dán mi	Miếng dán mi dùng cho phẫu thuật nhãn khoa. Kích thước: 10x12cm. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	50 miếng/ hộp	Miếng	250	
2	2	N05.03.030	Dao mổ mỏng	Dùng phẫu thuật lạng mỏng, kích thước khoảng 3,0mm, 2 mặt vát, lưỡi bẻ góc. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	06 cái/ hộp	Cái	20	
3	3	N05.03.030	Dao mổ Phaco 2.2mm - 3.2mm	Dùng phẫu thuật Phaco, kích cỡ lưỡi dao mổ từ 2.2mm - 2.85mm - 3.2mm, 1 mặt vát, lưỡi bẻ góc. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	06 cái/ hộp	Cái	250	
4	4	N05.03.030	Dao mổ Phaco bẻ góc 15 độ	Dùng phẫu thuật Phaco, tạo độ mở rộng 15 độ, góc tạo độ sâu từ 3-5mm, 2 mặt vát, lưỡi thẳng, mũi dao nhọn. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	06 cái/ hộp	Cái	250	
5	5	N07.03.040	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật nhãn khoa	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật + Thành phần Hypromellose Ophthalmic Solution 2,0% W/v hoặc tương đương. + Độ tập trung: 20mg/ml (2%), + Trọng lượng phân tử khoảng: 86 000 daltons, ; + Độ nhớt @27 độ C: 3000-4500cps, + Độ thẩm thấu: 250-350 mOsm / kg. ; + PH: 6,0-7,8 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	01 ống/Hộp	Hộp	250	
6	6	N07.03.050	Thuốc nhuộm bao	Sử dụng trong phẫu thuật nhãn khoa. Thành phần chính trypan blue 0.06% hoặc tương đương. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	05 lọ/ hộp	Lọ	50	
7	7	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	1. Thủy tinh thể nhân tạo nhân tạo đơn tiêu 2. Chất liệu Acrylic Hydrophobic hoặc tương đương không ngâm nước (kỵ nước) 3. Lọc tia cực tím (UV) và lọc ánh sáng xanh 4. Thiết kế một mảnh, phi cầu với quang sai cầu âm tính, bờ vuông 360 độ, 2 càng kép 5. Đường kính quang học (Optic): ≥ 5.8mm, tổng chiều dài kính ≥ 11.5mm 6. Chỉ số khúc xạ ≥ 1.50; 7. Dải công suất: Từ 0D đến +35D (Mức tăng 0.5D) 8. Góc càng ≥ 5 độ 9. Hằng số A (SRK/T) ≥ 119 (Siêu âm), ≥ 119 (Sinh trắc Laser) 10. Độ sâu tiền phòng ≥ 5.70 (Siêu âm), ≥ 6.0 (Sinh trắc Laser) 11. Vết mổ ≤ 2.0mm 12. Thủy tinh thể đặt sẵn trong Cartridge và Injector Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 1 chiếc	Chiếc	150	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8	8	N06.03.010	Thủy tinh thể nhân tạo các loại, các cỡ	<p>Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 1 mảnh</p> <p>1. Chất liệu: Copolymer (được tạo từ Hydrophobic và Hydrophilic) hoặc tương đương tỷ lệ ngâm nước 25%</p> <p>2. Đặc điểm: Phi cầu</p> <p>3. Lọc tia cực tím (UV)</p> <p>4. Thiết kế 4 càng kép</p> <p>5. Đường kính optic <math>\geq 5.7\text{mm}</math>, tổng chiều dài <math>\geq 10.5\text{mm}</math></p> <p>6. Chỉ số khúc xạ: <math>n 1.46</math>;</p> <p>7. Dây công suất hội tụ nằm trong khoảng: <math>+10.0D</math> đến <math>+30.0D</math> mức tăng <math>0.5D</math></p> <p>8. Góc càng <math>\leq 8</math> độ</p> <p>9. Hằng số A (SRK/T) <math>\geq 118.0</math> (Siêu âm), <math>\geq 118</math> (Sinh trắc Laser)</p> <p>10. Độ sâu tiền phòng <math>\geq 4.90</math> (Siêu âm), <math>\geq 5.20</math> (Sinh trắc Laser)</p> <p>11. Vết mổ từ <math>\leq 2.2\text{mm}</math></p> <p>12. Kèm Catridge và dụng cụ đặt thủy tinh thể</p> <p>Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Hộp 1 chiếc	Chiếc	100
<b>II</b>		<b>Danh mục vật tư ngoại khoa</b>					
<b>II.1</b>		<b>Danh mục chỉ phẫu thuật</b>					
1	9	N05.02.030	Chỉ Nylon đơn sợi số 2/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi được làm từ polyamide 6/6.6 hoặc tương đương. Số 2/0, chiều dài $\geq 75$ cm, kim dài khoảng 25mm, kim tam giác 3/8C. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	480
2	10	N05.02.030	Chỉ Nylon đơn sợi số 3/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi được làm từ polyamide 6/6.6 hoặc tương đương. Số 3/0, chiều dài $\geq 75$ cm, kim dài khoảng 25mm, kim tam giác 3/8C. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	1.200
3	11	N05.02.030	Chỉ Nylon đơn sợi số 4/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6 hoặc tương đương. Số 4/0, chiều dài $\geq 75$ cm, kim dài khoảng 19mm, kim tam giác 3/8C. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	1.500
4	12	N05.02.030	Chỉ Nylon đơn sợi số 5/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6 hoặc tương đương. Số 5/0, chiều dài $\geq 75\text{cm}$ , kim dài khoảng 17mm, kim tam giác 3/8C. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	480
5	13	N05.02.030	Chỉ Nylon đơn sợi số 6/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6 hoặc tương đương. Số 6/0, chiều dài $\geq 50$ cm, kim dài khoảng 15mm, kim tam giác 3/8C. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	300
6	14	N05.02.030	Chỉ Nylon đơn sợi 10/0	Kim: Kim 6MM, 3/8 hai kim hình thang. Kim bằng thép không gỉ 304 (18-20% Crom), phủ Silicon, chỉ dài 30cm, màu đen. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	24
7	15	N05.02.090	Chỉ tiêu tổng hợp số 1	Chỉ tiêu trung bình tổng hợp đa sợi số 1. Thành phần chính là Polyglactin 910 hoặc tương đương, chiều dài $\geq 90$ cm, kim tròn 1/2C, kim dài khoảng 40mm. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp 12 sợi	Sợi	1.500
8	16	N05.02.090	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	Chỉ tiêu trung bình tổng hợp đa sợi số 2/0. Thành phần chính là Polyglactin 910 hoặc tương đương, chiều dài $\geq 75$ cm, kim tròn 1/2C, kim dài khoảng 26mm. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	1.320

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
9	17	N05.02.090	Chi tiêu tổng hợp số 3/0	Chi tiêu trung bình tổng hợp đa sợi số 3/0. Thành phần chính là Polyglactin 910 hoặc tương đương, chiều dài $\geq 75$ cm, kim tròn 1/2C, kim dài khoảng 26mm. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	900
10	18	N05.02.090	Chi tiêu tổng hợp số 4/0	Chi tiêu trung bình tổng hợp đa sợi số 4/0. Thành phần chính là Polyglactin 910 hoặc tương đương, dài khoảng 75 cm, kim tròn 1/2C, kim dài khoảng 17mm. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp 12 sợi	Sợi	240
11	19	N05.02.090	Chi tiêu tổng hợp số 5/0	Chi tiêu trung bình tổng hợp đa sợi số 5/0. Thành phần chính là Polyglactin 910 hoặc tương đương, chiều dài $\geq 75$ cm, kim tròn 1/2C, kim dài khoảng 17mm. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	48
12	20	N05.02.060	Chi tiêu nhanh số 2/0	Chi tiêu nhanh tổng hợp đa sợi số 2/0. Thành phần chính Polyglactin 910 hoặc tương đương, chiều dài $\geq 90$ cm, kim tròn, đầu tam giác 1/2C, kim dài khoảng 36mm. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	60
13	21	N05.02.060	Chi tiêu nhanh số 3/0	Chi tiêu nhanh tổng hợp đa sợi số 3/0. Thành phần chính Polyglactin 910 hoặc tương đương, chiều dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8C, kim dài khoảng 26mm. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	60
14	22	N05.02.030	Chi không tiêu đơn sợi 2/0	Chi Polypropylene đơn sợi số 2/0, được cấu tạo từ các tinh thể Isotactic Polypropylene hoặc tương đương, chiều dài $\geq 90$ cm, Kim được làm bằng thép không gỉ. Kim tròn 25mm, 2 kim 1/2. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	24
15	23	N05.02.060	Chi tiêu nhanh số 1	Chi tiêu sinh học đơn sợi vô trùng, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết số 1, chiều dài $\geq 75$ cm, kim tròn 1/2c, kim dài khoảng 40 mm. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	600
16	24	N05.02.070	Chi thép, dây thép dùng trong phẫu thuật	Chi thép, chiều dài $\geq 45$ cm. Kim bằng thép không gỉ. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 sợi	Sợi	24
<b>II.2 Danh mục vật tư của Chấn thương</b>							
<b>II.2.1 Danh mục vật tư phẫu thuật khớp</b>							
1	25	N05.03.060	Lưỡi bào khớp các cỡ	Lưỡi bào được thiết kế rộng nông để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. - Được đóng gói tiết trùng và dùng một lần, - Phần đầu mài có dạng: Răng cưa/ trơn/ răng cưa bán phần - Đường kính đầu mài: 2.9/ 3.5/ 4.0mm - Chiều dài làm việc: 82/ 130mm Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	01 cái/ Hộp	Cái	30
2	26	N05.03.090	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio	- Có chức năng cầm máu bằng sóng Radio trong mô nội soi khớp, có lỗ hút và dây hút. - Được đóng gói tiết trùng và dùng một lần. - Đường kính mặt tiếp xúc đốt và cắt khoảng 2.8/3.2/3.6/4.3mm - Phần đầu làm việc có góc nghiêng 70°/90° và loại cong/ loại góc xiên/loại móc/loại bóng. - Chiều dài làm việc khoảng 135mm/220mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	01 cái/ Hộp	Cái	30
3	27	N07.06.080	Dây nước chạy máy	Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy dùng một lần. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	01 cái/ Gói	Cái	30

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4	28	N07.06.040	Vít chốt neo cố định dây chằng, tự điều chỉnh	Dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kỹ thuật All inside. Nẹp bằng titanium, 4 lỗ co vòng treo điều chỉnh được chất liệu UHMWPE hoặc tương đương, có hai sợi chỉ riêng biệt dùng lật và kéo, chất liệu chỉ UHMWPE. Lực kéo khoảng 1144 Newton. Cơ chế một chiều, vòng treo chỉ thắt lại, không nới được. Đóng gói tiết trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	01 cái/ Hộp	Cái	35
5	29	N05.02.030	Chỉ siêu bền các loại	Chỉ siêu bền liên kim. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	01 sợi/ Gói	Sợi	20
6	30	N06.04.052	<b>Khớp háng bán phần không xi măng chuôi phủ HA, chống trượt</b> - Chôm khớp bipolar (ở cối bán phần) - Chôm khớp - Chuôi khớp	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. - Vỏ chòm được làm bằng hợp kim: rèn coban- crom (CoCrMo) hoặc hợp kim thép không gỉ có hàm lượng Nitrogen cao hoặc tương đương. Kích thước $\geq 22\text{mm}$ . Lớp lót chòm được làm bằng polyethylen có trọng lượng phân tử cao (UHMWPE) hoặc tương đương, có vòng khóa tháo rời - được làm bằng hợp kim rèn coban- crom (CoCrMo) hoặc hợp kim thép không gỉ có hàm lượng Nitrogen cao hoặc sứ (ceramic). có 2 loại đường kính 22mm và 28mm, mỗi loại gồm các kích cỡ khác nhau - được làm từ hợp kim titanium, chuôi có thể được phủ nhám Plasma hoặc hydroxiapatite (HA).	01 Bộ/ Hộp	Bộ	5
7	31	N06.04.051	<b>Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi phủ HA, chống trượt</b> - Cuồng chòm xương đùi không xi măng Hydroapatit (HA): 1 cái - Ổ cối toàn phần phủ titanium plasma (TPS): 1 cái - Chôm xương đùi CoCr: 1 cái - Lót ổ cối toàn phần: 1 cái - Vít ổ cối: 2 cái	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Vật liệu: Titanium Alloy phủ Hydroapatit (HA) hoặc tương đương giúp khả năng liên kết với xương, các cỡ 0s/0/1/2/3/4/5/6 chiều dài các loại 125mm/150mm, đường kính 4mm/5mm, chiều dài cổ khớp các cỡ 34.5mm/39.5mm/41.5mm/44.5mm, có rãnh chống trượt. - Vật liệu: Titanium Alloy phủ titanium plasma (TPS) hoặc tương đương giúp khả năng liên kết với xương, thiết kế rãnh chống trượt, các cỡ đường kính ngoài 44/46/48/50/52/54/56/58/60/62mm, đường kính trong 38/42/46/52mm - Chôm xương đùi CoCr, gồm các size đường kính 28mm với chiều dài cổ -3.5mm/0/+3.5mm, đường kính khoảng 32mm với chiều dài cổ -4mm/0mm/+4mm/+7mm, đường kính khoảng 36mm với chiều dài cổ -4mm/0mm/+4mm/+7mm - Lót ổ cối toàn phần chất liệu PE siêu liên kết hoặc tương đương, gồm các size 28mm/32mm/36mm, dạng snap fit giúp giảm thời gian phẫu thuật, có rãnh chống trượt - Chất liệu titanium. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	01 bộ/ Hộp	Bộ	20
8	32		<b>Bộ khớp gối toàn phần</b> - Lõi cầu có xi măng - Đệm chày: - Mâm chày có xi măng - Bánh chày - Xi măng	- Vật liệu Coban-crom, có rãnh giữa, các cỡ khác nhau - lớp đệm mâm chày cố định, vật liệu Polyethylene cao phân tử, có các kích cỡ khác nhau và độ dày khác nhau. Vật liệu Chrome Cobalt các kích thước khác nhau. Xi măng sinh học hàm lượng $\geq 40\text{g}$ . - Chất liệu: làm bằng UHMWPE loại 1 GUR 1020 + Có 3 chân (peg) cố định + Có tối thiểu 3 loại kích thước: bề dày từ $\leq 7\text{mm}$ - $\geq 9\text{mm}$ , đường kính từ $\leq 27\text{mm}$ - $\geq 35\text{mm}$ - Độ nhót cao Có chứa chất Zirconium dioxide, đảm bảo tối ưu hình ảnh X-Quang, giúp đánh giá sự phân phối của xi măng trong xương và xung quanh implant (để phân biệt với xương trên hình ảnh X.Quang). Đóng gói: 40g bột + 20ml dung dịch pha	01 bộ/ Hộp	Bộ	3
II.2.2		<b>Danh mục vật tư phẫu thuật cột sống và một số các vật tư mới bổ sung</b>					

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	33	N07.06.030	Bộ bơm xi măng có bóng (Loại 1 bóng kép)	<p>Bộ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Bộ bơm áp lực dây xi măng dung tích từ 0 đến 35ml</li> <li>- 01 Bộ bóng nong kép, cỡ 2 x 8mm kèm đồng hồ đo áp lực khoảng từ 0 đến 30 Bar</li> <li>- 02 Kim chọc dò cường sống: Kim chọc dò cường sống (taro) loại 7G, đường kính 3,6mm</li> <li>- 04 Kim chọc bơm xi măng: độ dài 25cm, thể tích 1,5ml.</li> <li>- Khối lượng xi măng khoảng 20g, gồm các thành phần: Polymethylmethacrylate, Bariumsulfat, Benzoyl peroxid,</li> <li>- Dung dịch pha khoảng 10ml gồm các thành phần: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone.</li> <li>- Lực nén <math>\geq 82,5</math> MPa</li> <li>- Lực uốn cong <math>\leq 3.400</math> MPa</li> <li>- Nhiệt độ đông cứng trong khoảng 67,5 độ</li> <li>- Thời gian làm việc khoảng 15 phút ở nhiệt độ khoảng 23 độ C.</li> <li>- Có chứng nhận/đạt tiêu chuẩn CE, Xuất xứ G7</li> <li>- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.</li> </ul>	Hộp 1 bộ	Bộ	15
2	34	N07.06.030	Bộ bơm xi măng không bóng (Bộ bơm xi măng loại thường dùng súng áp lực cao)	<p>Bộ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm áp lực cao dạng súng, dung tích 15ml, đầu kết nối làm bằng thép không gỉ,</li> <li>- Bộ trộn xi măng kiểu tay quay, dung tích 40ml có thìa và phễu đổ xi măng, có 04 xi lanh với dung tích 5ml</li> <li>- Kim chọc dò cán nhựa chữ T, dùng trong bộ bơm xi măng loại thường dùng súng áp lực cao. Phần cán làm bằng nhựa hình chữ T, đường kính khoảng 13G, chiều dài khoảng 10cm và khoảng 15cm,</li> <li>- Thân kim có vạch đo độ sâu tương ứng, đầu kim được vát.</li> <li>- Xi măng sinh học có độ nhớt thấp chứa khoảng 30% Bariumsulfat</li> <li>- Khối lượng xi măng khoảng 20g, gồm các thành phần: Polymethylmethacrylate, Bariumsulfat, Benzoyl peroxid</li> <li>- Dung dịch pha khoảng 10ml gồm các thành phần: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, Hydroquinone</li> <li>- Lực nén <math>\geq 80</math> MPa</li> <li>- Lực uốn cong <math>\geq 3.000</math> MPa</li> <li>- Nhiệt độ đông cứng trong khoảng từ <math>&gt; 60</math> đến <math>&lt; 80</math> độ</li> <li>- Thời gian làm việc <math>&gt; 14</math> phút ở nhiệt độ khoảng 23 độ C.</li> <li>- Vít chỉ neo may chóp xoay Chi làm bằng Polyethylene trọng lượng phân tử cao.</li> <li>- Vít làm bằng titanium. Gồm 4 cỡ từ 2,5 đến 6,5mm,</li> <li>- Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.</li> </ul>	Hộp 1 bộ	Bộ	10
3	35		Neo khâu cố định gân chóp xoay	<p>Chi làm bằng Polyethylene trọng lượng phân tử cao hoặc tương đương, Vít làm bằng titanium hoặc tương đương Gồm 4 cỡ từ 2,5 đến 6,5mm, Có chứng nhận/đạt tiêu chuẩn Iso 13458/CE.</p>	Túi 1 cái	cái	20
4	36	N07.06.040	Nẹp bóng chày	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm. Dễ uốn cong	Túi 1 cái	Cái	50
5	37	N07.06.040	Nẹp userlin	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm. Thanh nẹp thẳng, dễ uốn cong. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	50
6	38		Túi chườm đá	Túi chườm đá là sản phẩm đặc thù để làm chườm lạnh nơi bị chấn thương, giúp giảm đau nhanh và hồi phục tổn thương trên tứ chi cơ thể dành cho các bộ môn thể thao đối kháng có va chạm mạnh.	Hộp 1 cái	Cái	50

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7	39	N02.04.060	Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm VAC cho vết thương nhỏ kèm bình đựng dịch	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 miếng xốp dạng mắt lưới dạng mở kích thước khoảng 10x7.5x3.2cm, chất liệu Polyurethane, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng 400-600 micron;</li> <li>- 01 băng dán cố định chống kích ứng da;</li> <li>- 01 dây dẫn có công nghệ tự làm sạch có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn có chức năng bơm áp lực dương định kỳ tự động hỗ trợ chống tắc, đẩy sạch dịch tại nền vết thương, bù áp lực biến đổi do khoảng cách, đặc điểm vết thương; đầu nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn;</li> <li>- 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.</li> <li>- 01 Bình chứa dịch kín, dung tích 500ml, chia nhiều khoang, có gel cô đặc dịch, dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn có chức năng bơm áp lực dương định kỳ tự động hỗ trợ chống tắc, đẩy sạch dịch tại nền vết thương, bù áp lực biến đổi do khoảng cách, đặc điểm vết thương, có đầu nối với máy và miếng xốp hút, có kẹp ống khoá dẫn. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.</li> </ul>	10 bộ/ hộp	Bộ	3
8	40	N02.04.060	Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm VAC cho vết thương cỡ vừa kèm bình đựng dịch	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 miếng xốp dạng mắt lưới dạng mở kích thước khoảng 18x12.5x3.2cm, chất liệu Polyurethane, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng 400-600 micron;</li> <li>- 02 băng dán cố định chống kích ứng da;</li> <li>- 01 dây dẫn có công nghệ tự làm sạch có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn có chức năng bơm áp lực dương định kỳ tự động hỗ trợ chống tắc, đẩy sạch dịch tại nền vết thương, bù áp lực biến đổi do khoảng cách, đặc điểm vết thương; đầu nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, có các rãnh định hướng dịch và 2 cổng cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn;</li> <li>- 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng</li> <li>- 01 Bình chứa dịch kín, dung tích 500ml, chia nhiều khoang, có gel cô đặc dịch, dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn có chức năng bơm áp lực dương định kỳ tự động hỗ trợ chống tắc, đẩy sạch dịch tại nền vết thương, bù áp lực biến đổi do khoảng cách, đặc điểm vết thương, có đầu nối với máy và miếng xốp hút, có kẹp ống khoá dẫn.</li> </ul>	10 bộ/ hộp	Bộ	7
9	41	N03.07.060	Bình chứa dịch vết thương 500ml	<p>Bình chứa dịch kín, dung tích 500ml, chia nhiều khoang, có gel cô đặc dịch, dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn có chức năng bơm áp lực dương định kỳ tự động hỗ trợ chống tắc, đẩy sạch dịch tại nền vết thương, bù áp lực biến đổi do khoảng cách, đặc điểm vết thương, có đầu nối với máy và miếng xốp hút, có kẹp ống khoá dẫn.</p>	10 chiếc/ hộp	Chiếc	3

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
10	42	N02.04.060	Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm V.A.C có tưới rửa cho vết thương nhờ kèm bình đựng dịch và khay dẫn dịch	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 miếng xốp mắt lưới dạng mở kích thước khoảng 11 x 8 x 1,8cm, chất liệu Polyurethane, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng 400-600 micron;</li> <li>- 02 băng dán cố định chống kích ứng da;</li> <li>- 01 miếng dán đánh dấu bột</li> <li>- 01 miếng lau không dính</li> <li>- 01 dây dẫn đôi có công nghệ tự làm sạch, 01 dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường hút nhỏ trong thành dây dẫn + 01 dây truyền, đầu miếng dán hút tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, cấu tạo có các rãnh định hướng dịch và 2 công cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn;</li> <li>- 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng;</li> <li>- 01 Bình chứa dịch kín, dung tích 500ml, chia nhiều khoang, có gel cô đặc dịch, dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn có chức năng bơm áp lực dương định kỳ tự động hỗ trợ chống tắc, đẩy sạch dịch tại nền vết thương, bù áp lực biến đổi do khoảng cách, đặc điểm vết thương, có đầu nối với máy và miếng xốp hút, có kẹp ống khoá dẫn;</li> <li>- 01 giá chất liệu nhựa để đỡ túi (bình) dung dịch truyền rửa</li> <li>- 01 bộ dây truyền (chất liệu PVC) với 2 đầu kết nối: một đầu để kết nối dung dịch truyền rửa với máy, một đầu kết nối với dây dẫn và miếng dán đặt trên vùng vết thương</li> </ul>	5 bộ/ hộp	Bộ	3
11	43	N02.04.060	Bộ xốp dùng trong điều trị vết thương bằng áp lực âm có tưới rửa (cỡ vừa)	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 miếng xốp mắt lưới dạng mở kích thước khoảng 17 x 15 x 1,8cm, chất liệu Polyurethane, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng 400-600 micron;</li> <li>- 03 băng dán cố định chống kích ứng da;</li> <li>- 01 miếng dán đánh dấu bột</li> <li>- 02 miếng lau không dính</li> <li>- 01 dây dẫn đôi có công nghệ tự làm sạch gồm 01 dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn có chức năng bơm áp lực dương định kỳ hỗ trợ chống tắc và kiểm soát áp lực đích + 01 dây truyền, đầu miếng dán hút tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, cấu tạo có các rãnh định hướng dịch và 2 công cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn;</li> <li>- 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.</li> <li>- 01 Bình chứa dịch kín, dung tích 500ml, chia nhiều khoang, có gel cô đặc dịch, dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn có chức năng bơm áp lực dương định kỳ tự động hỗ trợ chống tắc, đẩy sạch dịch tại nền vết thương, bù áp lực biến đổi do khoảng cách, đặc điểm vết thương, có đầu nối với máy và miếng xốp hút, có kẹp ống khoá dẫn;</li> <li>- 01 giá chất liệu nhựa để đỡ túi (bình) dung dịch truyền rửa</li> <li>- 01 bộ dây truyền (chất liệu PVC) với 2 đầu kết nối: một đầu để kết nối dung dịch truyền rửa với máy, một đầu kết nối với dây dẫn và miếng dán đặt trên vùng vết thương</li> </ul>	5 bộ/ hộp	Bộ	7

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
12	44	N02.04.06 0	Bộ xốp dùng trong điều trị vết thương bằng áp lực âm có tưới rửa (3 lớp dạng tổ ong - cỡ vừa)	<p>Mục đích riêng biệt: làm sạch vết thương nhiễm trùng hoại tử nặng mà không thể thực hiện phẫu thuật cắt lọc thông thường. Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miếng xốp 3 lớp có lớp dưới cùng đục lỗ, 2 lớp trên dạng mắt lưới mở kích thước khoảng 18x 12,5 x (0.8-1.6 cm), chất liệu Polyurethane, chống nước, kích cỡ các lỗ khoảng 400-600 micron;</li> <li>- 04 băng dán cố định chống kích ứng da;</li> <li>- 04 miếng lau không dính</li> <li>- 01 dây dẫn đôi có công nghệ tự làm sạch, 01 dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường hút nhỏ trong thành dây dẫn + 01 dây truyền dịch, đầu nối tích hợp công nghệ hút có cảm ứng chống tắc, có các rãnh định hướng dịch và 2 công cảm ứng phát hiện tắc, có kẹp ống khoá dẫn;</li> <li>- 01 thước giấy đo kích thước vết thương và ghi ngày giờ bắt đầu sử dụng.</li> </ul> <p>(Dùng trong 48-72h)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Bình chứa dịch kín, dung tích 500ml, chia nhiều khoang, có gel cô đặc dịch, dây hút có 1 đường hút chính và 4 đường lỗ nhỏ trong thành dây dẫn có chức năng bơm áp lực dương định kỳ tự động hỗ trợ chống tắc, đẩy sạch dịch tại nền vết thương, bù áp lực biến đổi do khoảng cách, đặc điểm vết thương, có đầu nối với máy và miếng xốp hút, có kẹp ống khoá dẫn;</li> <li>- 01 giá chất liệu nhựa để đỡ túi (bình) dung dịch truyền rửa</li> <li>- 01 bộ dây truyền (chất liệu PVC) với 2 đầu kết nối: một đầu để kết nối dung dịch truyền rửa với máy, một đầu kết nối với dây dẫn và miếng dán đặt trên vùng vết thương</li> </ul>	5 bộ/ hộp	Bộ	3
13	45		Đầu chiếu tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương	<p>Sử dụng tương thích với máy chiếu tia plasma lạnh công nghệ phóng điện bề mặt siêu nhỏ cao tần bằng không khí từ khí quyển tự nhiên.</p> <p>Quy cách: 12 chiếc/1 hộp, tiệt trùng từng chiếc.</p> <p>Số lần sử dụng: 10 lần ( mỗi lần 6 phiên x 60 giây)</p> <p><b>Thông số kỹ thuật:</b></p> <p>Trọng lượng: 14g</p> <p>Kích thước: D6,7cm x R5,5cm x C 4,1cm</p> <p>Diện tích điều trị tối thiểu/1 phút: 12,25cm<sup>2</sup>, Diện tích điều trị tối thiểu/1 lần (6 phút riêng biệt): 73,5cm<sup>2</sup>, không ảnh hưởng tới vùng da lành quanh vết thương.</p> <p>Lưu trữ và vận chuyển, hoạt động: - 20 °C – +55 °C, 20% – 75% RH, 700 hPa – 1060 hPa</p> <p>Tiệt trùng bằng: Ethylene Oxide (EO) trong bệnh viện, hoặc sử dụng các dung dịch sát khuẩn an toàn với nhựa.</p> <p>Đầu chiếu có ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ giữ khoảng cách tối ưu với nền vết thương</li> <li>+ phát lượng plasma tiêu chuẩn theo định lượng cố định tới vết thương</li> <li>+ cố định thời gian điều trị theo từng lần.</li> <li>+ không thất thoát plasma ra ngoài vết thương.</li> <li>+ không bị ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh: nhiệt độ, độ ẩm, gió, ..</li> </ul> <p>Hạn sử dụng: &gt;36 tháng</p>	1 chiếc/ hộp (12 hộp/ thùng)	Chiếc	20
II.3		Vật tư phẫu thuật Ngoại tiêu hóa					

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	46	N08.00.010	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa dùng cho mô mỡ loại 80mm	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa dùng cho mô mỡ loại 100mm, 80mm, 60mm chiều cao ghim dập 3.8 mm/ 4.3mm, số lượng ghim tương ứng: 104 ghim, 84 ghim, 64 ghim. Lưỡi dao sử dụng được gắn trong mỗi băng ghim. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	20
2	47	N08.00.360	Dụng cụ khâu nối tiêu hóa ba hàng ghim cỡ 29	Dụng cụ khâu nối tròn 3 hàng ghim so le các cỡ đường kính 21,2mm-31,1 mm. Chiều cao ghim từ: 4.4 - 4.9mm, số lượng ghim từ 27-42 ghim, chiều cao ghim đóng $\geq 2$ mm, hàng ghim bấm ngoài thấp hơn ghim bấm bên trong $\geq 0.2$ mm để đảm bảo cung cấp máu tốt tới các mô. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	20
3	48	N08.00.360	Dụng cụ khâu cắt nối dùng cho mô mỡ cỡ 80	Dụng cụ cắt khâu tiêu hóa dùng cho mô mỡ loại 100mm, 80mm, 60mm, chiều dài dụng cụ lần lượt là: 320mm; 305mm; 275mm. Chiều cao ghim dập $\geq 3.8$ mm, các bộ phận sử dụng ABS hoặc polycarbonate. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	20
4	49	N08.00.360	Dụng cụ khâu nối tự động dùng cho phẫu thuật nội soi gấp góc	Dụng cụ phẫu thuật dùng cho mô nội soi loại gấp góc dài $\geq 370$ mm, dùng cho các loại băng ghim: 30mm, 45mm, 60mm. Đầu khớp nối có thể quay góc $88^\circ$ từ trái sang phải và xoay $360^\circ$ . Ghim được làm bằng chất liệu titanium nguyên chất hoặc tương đương. Cartridge và tay cầm làm bằng chất liệu ABS, gia công nylon hoặc Makrolon. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	20
5	50	N08.00.010	Băng ghim dùng cho phẫu thuật nội soi tiêu hóa loại 60mm	Băng ghim cắt khâu nội soi gấp góc dùng cho mô trung bình/dây loại dài $\geq 60$ mm, 3 hàng ghim so le: 3.0mm/3.5mm/ 4.0mm, chiều dài đường cắt tương ứng $\geq 40$ mm. Ghim được làm bằng chất liệu titanium nguyên chất hoặc tương đương. Ghim có khả năng chịu áp lực của chỉ khâu $\geq 3.6 \times 103$ Pa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	40
<b>III</b>			<b>Danh mục vật tư lọc hấp phụ</b>				
1	51	N07.02.050	Quả lọc máu hấp phụ	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn. Thể tích hấp phụ 130mL. Vật liệu vỏ: Polycarbonate. Vật liệu hấp phụ: Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer. Công nghệ phủ hạt hấp phụ: Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer. Công nghệ phủ hạt hấp phụ: Collodion. Khử trùng: Bức xạ tia Gamma. Thể tích khoang máu khoảng 114 mL. Độ chịu lực của hạt hấp phụ: 8,1 N. Tốc độ máu tối đa: $\geq 450$ ml/phút. Diện tích hấp phụ khoảng: 52.000m <sup>2</sup> . Dải hấp phụ: 5kDa-30kDa Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Jafron Biomedical Co.,Ltd/ Trung Quốc	Quả	500
2	52	N07.02.050	Dây nối quả hấp phụ máu và quả lọc	Sử dụng để kết nối giữa quả lọc máu và quả hấp phụ. Chất liệu làm bằng nhựa PVC mềm, không độc, không chất gây sốt. Tương thích với các loại máy. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Zhangjiagang Shagong Medical Technology Co., Ltd/ Trung Quốc	Cái	500
<b>IV</b>			<b>Danh mục vật tư y tế dùng chung các loại</b>				
1	53	N01.01.010	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị to và có độ thấm hút rất cao. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tịnh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phụ tạng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1kg	Kg	70

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2	54	N01.01.010	Bông cắt vô trùng	Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Bông được cắt thành miếng nhỏ kích thước 2cm x 2cm đồng đều về kích thước và trọng lượng. Được tiệt trùng, đóng kín trong bao PE in đầy đủ thông tin về sản phẩm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 10 gói	Gói	30.000
3	55	N01.02.010	Dung dịch vệ sinh tay chứa cồn	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 50% (v/v); Isopropyl alcohol 28% (v/v) và các chất phụ gia vừa đủ 100%.	Chai 500ml	Chai	100
4	56	N01.02.010	Dung dịch rửa tay diệt khuẩn	Dung dịch xà phòng diệt khuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa. Thành phần chính: Chlorhexidine digluconate 4% pH = 5,5. Đạt tiêu chuẩn EN 12791; Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Can 5 lít	Can	65
5	57	N01.02.010	Cồn 70 độ	Cồn 70 độ, trong suốt không màu, có mùi cồn. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Can 30 lít	Lít	4.000
6	58	N01.02.010	Cồn 90 độ	Cồn 90 độ, trong suốt không màu, có mùi cồn. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	chai 500ml	Chai	20
7	59	N01.02.010	Cồn tuyệt đối	Dung dịch trong, không màu đóng trong chai nhựa kín, có mùi cồn đặc trưng. Hàm lượng Ethanol ở 20°C đạt 99,8%. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai 500 ml	Chai	200
8	60	N01.02.030	Nước Javen	Công thức phân tử NaOCl. Sử dụng khử trùng, làm sạch nước sinh hoạt, sát trùng nhà ở, bệnh viện, nhà vệ sinh. Là chất lỏng trong, màu vàng nhạt. Nồng độ: 7%-12%. Đóng can 25 hoặc 30 lít.	Can 25 lít	Lít	3.000
9	61	N01.02.030	Dung dịch khử khuẩn	Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=5-6. Khử khuẩn mức độ cao ≤ 10 phút. Diệt bào tử ≤ 60 phút. Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử). Đạt ISO 13485, CE.	Can 5 lít	Can	35
10	62	N01.02.030	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Thành phần: ≥ 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7-8, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao ≤ 5 phút. Diệt bào tử ≤ 30 phút. Tái sử dụng trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Can 5 lít	Can	90
11	63	N01.02.030	Viên khử trùng	Hoạt chất Natri Dichloroisocyanuarate (hay Troclosen sodium) 50%. Viên rắn (sùi bột). Viên nên tẩy uế dụng cụ, đồ vải, bề mặt cứng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 100 viên	Viên	18.000
12	64	N01.02.050	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	Dung dịch tẩy rửa dựa trên hoạt tính Enzym. Khử khuẩn và làm sạch dụng cụ. Thành phần chính: Protease enzyme 5%. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai 1 lít	Chai	300
13	65	N01.02.050	Acid citric	Dạng hạt tinh thể, sử dụng khử khuẩn thiết bị. Đóng bao ≥ 25 kg.	Bao 25kg	Kg	800
14	66	N01.02.020	Oxy già 3%	Rửa sạch, sát trùng vết thương và vết loét. Có phiếu kiểm định thành phần của cơ quan chức năng.	Chai 500ml	Chai	350
15	67	N01.02.020	Dung dịch rửa vết thương	Sử dụng trực tiếp không pha loãng, sát khuẩn da trong y tế (không dùng cho niêm mạc vết thương hở, diệt khuẩn sau một phút tiếp xúc, tác dụng diệt 99,9% vi khuẩn S.Aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, M.tuberculosis, Bacillus subtilis. Thành phần chính: 10%w/v povidone iodine trong đường với 1% w/v iodine tự do. Có phiếu kiểm định thành phần của cơ quan chức năng.	Chai 500ml	Chai	600
16	68	N01.02.030	Dung dịch tiệt khuẩn màng lọc	Làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo. Thành phần chính: Peracetic acid, Hydrogen Peroxide, Acetic Acid. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Can 5 lít	Can	40
17	69		Than hoạt	Là bột màu đen, không mùi vị, được xử lý ở nhiệt độ cao để tăng khả năng hấp phụ chất độc, cần bán. Nó được sử dụng phổ biến trong y tế để xử lý ngộ độc cấp, điều trị đầy hơi, tiêu chảy.	10g/gói	Gói	500
18	70	N02.01.010	Băng bột bó loại nhỏ	Bột liên gạc, lõi nhựa, gạc 100% cotton. Kích thước 10cm x 365cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói 6 cuộn	Cuộn	2.000

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
19	71	N02.01.010	Băng bột bó loại to	Bột liền gạc, lõi nhựa, gạc 100% cotton. Kích thước 20cm x 365cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói 6 cuộn	Cuộn	2.000
20	72	N02.01.040	Băng cá nhân	Băng cá nhân vải co giãn phủ một lớp keo làm bằng kẽm oxit có gạc thấm hút màu trắng ở giữa. Kích thước 2x6cm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Bịch 500 cái	Cái	30.000
21	73	N02.01.040	Băng cuộn to	Băng sạch, màu trắng, kích thước 10cmx5m. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói 10 cuộn	Cuộn	9.000
22	74	N02.01.040	Băng cuộn nhỏ	Băng sạch, màu trắng, kích thước 5cmx5m. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói 20 cuộn	Cuộn	2.000
23	75	N02.02.020	Băng dính lụa	Băng keo lụa trắng, 100 % sợi cellulose acetate đánh thành cuộn. Độ dính tốt, không gây kích ứng da. Kích thước 5cm x 5m. Nguyên liệu từ các nước G7. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 1 cuộn	Cuộn	6.500
24	76	N02.03.020	Gạc thấm	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	20 m /tập	Mét	1.000
25	77	N02.03.020	Gạc phẫu thuật	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Kích thước: 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói 10 miếng	Miếng	60.000
26	78	N02.03.020	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Kích thước 30cm x 40cm x 6 lớp, vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói 5 miếng	Miếng	5.000
27	79	N02.03.020	Gạc cầu đa khoa	Gạc hình tròn được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Kích thước: F145 x 2 lớp (5 miếng/ gói), vô trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói 5 miếng	Miếng	50.000
28	80	N02.03.020	Gạc lót đốc kim	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Kích thước 3cm x4 cm x 4 lớp vô trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói 10 miếng	Miếng	25.000
29	81	N02.03.020	Gạc Meche đặt NKQ	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Kích thước 3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	3 miếng/ gói	Miếng	2.000
30	82	N02.03.020	Bông gạc đắp vết thương	Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Kích thước: 8x15cm vô trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	1 miếng/ gói	Miếng	4.000

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
31	83	N02.03.020	Gạc thận nhân tạo	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Kích thước 3,5cm x 4,5cm x 80 lớp vô trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	30 miếng/ gói	Miếng	30.000
32	84	N02.03.020	Gạc tai mũi họng	Kích thước 1,5x100cmx4 lớp, vô trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	1 cái/gói	Cái	500
33	85	N02.03.020	Gạc phẫu thuật không dệt	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	1 cái/gói	Cái	9.000
34	86	N02.04.050	Vật liệu máu tự tiêu	Là vật liệu tự tiêu tiệt trùng được dệt từ Cellulose tái tổ hợp được oxy hóa có kiểm soát, kích thước 10 x 20cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 12 miếng	Miếng	24
35	87	N02.04.050	Miếng cầm máu mũi	Thành phần: Được làm bằng chất liệu Hydroxylated Poly-Vinyl Acetate được ép chặt và đóng khô. Có tác dụng ngăn máu mũi chảy hiệu. Mỗi gói được nén, đóng khô và đóng gói tiệt trùng riêng biệt. Kích thước 8cm x 1,5cm x 2cm. Khả năng thấm hút cao. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 10 miếng	Miếng	300
36	88	N02.04.050	Vật liệu máu tiệt trùng cho xương	Được dùng để cầm máu bề mặt xương. Là hỗn hợp tiệt trùng gồm sáp ong, Isopropyl mystad. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 01 cái	Cái	36
37	89	N02.03.030	Băng có gạc vô trùng, bán thấm	Băng có gạc vô trùng, bán thấm, kích thước: 53 x 80mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 miếng	Miếng	14.000
38	90	N02.03.030	Gạc cố định kim luồn	Băng có gạc vô trùng, bán thấm, kích thước: 60 x 73mm. Có rãnh cố định kim luồn. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 miếng	Cái	2.000
39	91	N03.01.010	Bơm cho ăn sử dụng một lần cỡ 50ml	Bơm cho ăn sử dụng 1 lần dung tích 50 ml. Nhựa nguyên sinh, không chứa DEHP, không chứa chất gây sốt. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 25 cái	Cái	2.000
40	92	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml đầu thường và đầu xoắn, cỡ kim 26G, 25G. Nhựa nguyên sinh, không độc, không chứa DEHP, không chứa chất gây sốt. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp 100 cái	Cái	20.000
41	93	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G. Nhựa nguyên sinh, không độc, không chứa DEHP, không chứa chất gây sốt. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp 100 cái	Cái	100.000
42	94	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G. Nhựa nguyên sinh, không độc, không chứa DEHP, không chứa chất gây sốt. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp 100 cái	Cái	100.000
43	95	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20 ml, cỡ kim 23G, 25G. Nhựa nguyên sinh, không độc, không chứa DEHP, không chứa chất gây sốt. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp 50 cái	Cái	120.000
44	96	N03.01.020	Bơm tiêm sử dụng một lần 50ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 50ml, cỡ kim 23G, 25G. Nhựa nguyên sinh, không độc, không chứa DEHP, không chứa chất gây sốt. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp 25 cái	Cái	8.000

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
45	97	N03.01.080	Bơm tiêm thuốc cân quang	Bơm tiêm nhựa dung tích 200 ml, kèm theo dây nối có kim, độ dài $\geq 150$ cm, kèm 1 ống lấy thuốc. Tương thích với bơm tiêm thuốc cân quang tại Bệnh viện. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 bộ	Bộ	300
46	98	N03.02.020	Kim cánh bướm các số	Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có nắp bảo vệ. Dây dẫn: Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. Dây dài $\geq 300$ mm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương..	Túi 1 cái	Cái	5.000
47	99	N03.02.080	Kim vô trùng lấy thuốc	Kim sử dụng lấy thuốc, các số. Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp 100 cái	Cái	100.000
48	100	N03.02.030	Kim chích máu	Sử dụng cho test đường huyết mao mạch. Thân kim bằng thép không gỉ, dạng dẹt phù hợp với nhiều mẫu bút lấy máu. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Hộp 100 cái	Cái	20.000
49	101	N03.02.030	Kim chích máu	Sử dụng trong y tế, bằng thép không gỉ, vô trùng, túi 1 cái. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương..	Hộp 200 cái	Cái	500
50	102	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch các số	Chất liệu Catheter ETFE (Ethylen Tetra Flour Ethylen) đảm bảo cho thành Catheter đủ cứng, đàn hồi tốt, ôm kim. Catheter dễ dàng đi qua da vào tĩnh mạch, sử dụng được khi chọc tĩnh mạch cánh, động mạch quay. Cán kim dài dễ cầm khi chọc nhiều vùng ven khác nhau. Đóng gói từng chiếc bằng vỏ nhựa cứng đảm bảo an toàn, lưu Catheter được 72h, được tiệt trùng. Các cỡ 14Gx2 1/2"; 16G x2"; 18G x 2"; 20G x2"; 22G x 1"; 24G x3/4", màu sắc các cỡ kim khác nhau. Kim luồn tĩnh mạch không có cánh. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 cái	Cái	20.000
51	103	N03.03.070	Kim chọc dò gây tê tủy sống các loại	Kim gây tê và chọc tủy sống. Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng. Kích cỡ kim từ 18G đến 27 G, chiều dài kim tương đương với kích cỡ kim. Thành kim mỏng cho dòng chảy tốt. Chuôi kim Polypropylene trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh chắc chắn dễ cầm. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	1.200
52	104	N03.03.080	Kim chạy thận nhân tạo các số	Sử dụng trong lọc thận nhân tạo. Kim số 16G. Gồm kim cách bướm kèm dây dẫn. Kim được làm từ thép không gỉ. Dây dẫn được làm từ nhựa PVC mềm, không độc không chứa chất gây sốt. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 cái	Cái	15.000
53	105	N03.04.010	Kim châm cứu	Kim châm cứu dùng một lần, đóng gói dạng vi $\geq 10$ cái/vi; Kim $\geq 6$ cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 100 cái	Cái	150.000
54	106	N03.02.080	Kim tiêm nha khoa các số	Sử dụng trong nha khoa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 100 cái	Cái	1.000
55	107	N03.05.010	Dây truyền dịch các loại, các cỡ	Chất liệu dây được làm từ nhựa PVC dùng trong y tế, không độc, không DEHP, không chất gây sốt, con lăn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh số lượng giọt, chiều dài $\geq 170$ cm. Kim được làm từ chất liệu thép không gỉ, đầu kim vát 3 cạnh. Cỡ kim 21G x 1 1/2", 22G x 1 1/2", 23G x 1 1/2" và các cỡ khác theo yêu cầu. Sản phẩm được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 bộ	Bộ	80.000
56	108	N03.05.030	Dây truyền máu	Sử dụng trong truyền máu. Chất liệu dây: Vinyl Chloride và tương đương, có kim truyền không cánh cỡ 18G. Được tiệt trùng. Dây dài $\geq 180$ cm, màng lọc siêu nhỏ với kích thước lỗ lọc từ 175- 210 $\mu$ m. Tốc độ dòng chảy: 20 giọt/mL, không độc, không DEHP, không chất gây sốt, khóa hãm bằng nhựa trong để quan sát. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 bộ	Bộ	800

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
57	109	N03.05.040	Dây nối bơm tiêm điện dài	Chất liệu nhựa PVC, không độc, không DEHP, không chất gây sốt. Độ dài $\geq 140$ cm, đường kính dây $\geq 0,9$ mm. Dây mềm, đầu nối khít theo tiêu chuẩn phù hợp với loại máy bệnh viện đang dùng. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	1.000
58	110	N03.05.040	Dây nối bơm tiêm điện ngắn	Chất liệu nhựa PVC, không độc, không DEHP, không chất gây sốt. Độ dài $\geq 75$ cm, đường kính dây $\geq 0,9$ mm. Dây mềm, đầu nối khít theo tiêu chuẩn phù hợp với loại máy bệnh viện đang dùng. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	6.000
59	111	N03.05.060	Ba chạc truyền dịch không dây nối	- Chất liệu bằng polycarbonate hoặc tương đương, không độc, không DEHP, không chất gây sốt. Chạc 3 nòng trong tron nhãn đảm bảo dòng chảy; dễ tháo lắp, không rỉ nước. Nắp vận khóa thiết kế đặc biệt có gờ cảm nhận đóng mở được, giúp xác nhận vị trí khóa, khóa ba chạc với khóa có thể xoay 360 độ. - Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	4.000
60	112	N03.05.060	Ba chạc truyền dịch có dây nối	- Chất liệu bằng polycarbonate hoặc tương đương, không độc, không DEHP, không chất gây sốt. Chạc 3 nòng trong tron nhãn đảm bảo dòng chảy; dễ tháo lắp, không rỉ nước. Nắp vận khóa thiết kế đặc biệt có gờ cảm nhận đóng mở được, giúp xác nhận vị trí khóa, khóa ba chạc với khóa có thể xoay 360 độ, kèm theo dây nối bằng nhựa trong suốt $\geq 25$ cm. - Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	2.500
61	113	N03.06.020	Găng tay chăm sóc	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính. Đảm bảo không rách, không thủng, độ đàn hồi tốt. Có các cỡ từ XS đến XL. Chiều dài găng $\geq 240$ mm. Độ dày găng $\geq 0.1$ mm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 đôi	Đôi	160.000
62	114	N03.06.050	Găng tay vô trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính. Đảm bảo không rách, không thủng, độ đàn hồi tốt. Có các cỡ từ 6,5; 7; 7.5 đến 8. Chiều dài găng $\geq 240$ mm. Độ dày găng $\geq 0.1$ mm. Đóng gói tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 đôi	Đôi	28.000
63	115	N03.06.030	Găng tay dài sản	Găng sản khoa (găng khám sản) chưa tiệt trùng dài 500 mm sản xuất từ latex cao su thiên nhiên phủ bột chống dính, sử dụng một lần. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 10 đôi	Đôi	50
64	116	N04.01.010	Canuyn Mayo	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	10
65	117	N04.01.020	Canuyn mở khí quản các cỡ	Nguyên liệu PVC nhạy cảm nhiệt ban đầu cứng để luồn nhưng trong nhiệt độ cơ thể sẽ mềm mại, an toàn cho bệnh nhân. Có bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn. Hệ thống lỗ thông khí giảm thiểu nguy cơ tắc ống NKQ. Dây dùi kích cỡ từ 6-10mm, các cỡ chỉ cách nhau 0.5mm đến 1mm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	10
66	118	N04.01.030	Ống đặt nội khí quản các số	Được sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, không chứa DEHP, trong suốt, mềm và mịn/ Có bóng. Bóng khối lượng lớn cung cấp khoá thành khí quản tích cực Được thiết kế để sử dụng trong quá trình thông khí ngắn hạn và dài hạn và các thủ tục phẫu thuật thông thường. Kích thước từ: 3.0mm-10.0mm. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	1.000

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
67	119	N04.01.090	Sonde Foley 2 chạc	Được sản xuất từ cao su không độc tố được tráng silicon. Kích thước đầu tip ngắn: 15-24mm giảm kích thích bàng quang, độ mờ của lòng ống bên trong cho phép theo dõi sự thoát nước của ống thông, chiều dài tổng thể khoảng 400mm, chiều dài phần ngoài khoảng 45mm, dung tích bóng chèn khoảng 30ml. Van mềm. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	1.000
68	120	N04.01.090	Sonde Foley 3 chạc	Được sản xuất từ cao su không độc tố được tráng silicon. Cấu tạo 3 nhánh. Tốc độ dòng chảy cao để tối đa hóa khả năng tưới, thoát nước. Độ mờ của lòng ống bên trong cho phép theo dõi sự thoát nước của ống thông. Kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phần ngoài: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml. Van cứng. Tiệt trùng. Đóng gói 2 lớp chắc chắn. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	50
69	121	N04.01.090	Sonde hút nhót các số	Được sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, không chứa DEHP dây mềm, có chiều dài $\geq 500$ mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	1.500
70	122	N04.01.090	Sonde hút nhót có lỗ phụ	Được sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, không chứa DEHP, dây mềm, có chiều dài $\geq 500$ mm. Một đầu dây được gắn với khóa van điều chỉnh, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	2.200
71	123	N04.01.090	Sonde dẫn lưu màng phổi Silicon	Chất liệu: 100% silicone. Được sử dụng dẫn lưu màng phổi, xuyên suốt chiều dài để nhận diện được bởi tia X. Có 2 lỗ (hình tròn hoặc hình bầu dục) ở cuối. Kích thước: Chiều dài Fr32 48,5cm, có thể được tùy chỉnh. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	10
72	124	N04.01.090	Sonde dẫn lưu ổ bụng Silicon	Chất liệu: 100% silicone, sử dụng để dẫn lưu ổ bụng các cỡ. Có 2 lỗ (hình tròn hoặc hình bầu dục) ở cuối. Kích thước: to và nhỏ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	20
73	125	N04.01.090	Sonde dạ dày các số	Sử dụng để đặt sonde dạ dày, chất liệu PVC y tế, dây mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Các số: 12,14,16,18 dài 125cm, vạch đánh dấu tại 45, 55, 65, 75 cm, có 4 mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn, có đường cân quang chạy dọc thân ống. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	600
74	126	N03.07.060	Túi đựng nước tiểu	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ $\geq 2000$ ml độ dày $\geq 1.2$ mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. - Có bảng ghi thông tin bệnh nhân. - Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	1.000
75	127	N03.07.070	Túi Camera mổ nội soi	1. Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 60 cm 2. Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2 ly 2 x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, kọ kích ứng da. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	1.000

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
76	128	N04.01.080	Dây thở oxy	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài ≤ 2200 mm, thành trong lòng ống dây có hình sao, có tác dụng trống không bị tắc nghẽn khí oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gãy gập, một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được gắn co 2 nhánh mềm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	1.000
77	129	N04.04.010	Catheter 2 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm loại 2 nòng Thành phần cung cấp 01 bộ: - Nòng Catheter: 01 cái loại 2 nòng cỡ 7 Fr, dài 20 cm; - Kim dẫn đường thẳng hoặc chữ Y cỡ 18G: 01 cái - Syring 5 ml: 01 cái; - Kim nông: 01 cái; - Dao mổ: 01 cái; - Kẹp Catheter: 2 cái - Cánh Catheter: 02 cái rời và 01 cái gắn trên Catheter; - Dây dẫn hướng Nitinol có vạnh đánh dấu, đầu chữ J linh hoạt: 01 cái - Nắp Catheter: 02 cái - Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương..	Túi 1 cái	Cái	50
78	130	N04.04.010	Catheter 2 nòng chạy thận nhân tạo	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng không chứa DEHP; dài khoảng 20 cm, tích mỗi khoang 1.4 ml, chất liệu polyurethan hoặc tương đương, có dây nối đo ECG; có chất cản quang, có ống dẫn đường (đường kính 0.89 mm x dài 50cm), ống thông 18G có van (1.3mm), ống nông khoảng 12F, có dây dẫn nối máy điện tim, có dao mổ, xy lanh 5ml. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 Bộ	Bộ	120
79	131	N05.03.080	Lưỡi dao mổ tiệt trùng	Dùng trong y tế. Bằng thép không gỉ, sử dụng 1 lần, vô trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 100 cái	Cái	3.500
80	132	N08.00.250	Điện cực tim	Kích thước khoảng 50mm, dạng hình tròn. Bề mặt tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 30 cái	Cái	4.000
81	133	N08.00.260	Clip polyme các loại	Chất liệu polymer, dùng cho mổ mở và mổ nội soi; tiệt trùng. Có các size từ M đến XL. Kích cỡ tương ứng với size. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Vi 6 cái	Cái	600
82	134	N08.00.260	Clip Titan	Chất liệu Titan, các cỡ, dùng cho mổ mở và mổ nội soi; tiệt trùng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương..	Vi 10 cái	Cái	100
83	135	N08.00.310	Mas thở oxy (người lớn, trẻ em)	Mặt nạ thở oxy sử dụng 01 lần. Chất liệu nhựa y tế, 100% không chứa cao su. Chống gãy gập, chiều dài có thể điều chỉnh. Màu theo yêu cầu. Không chứa DEHP. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương..	Túi 1 cái	Cái	300
84	136	N08.00.250	Mask khí dung (người lớn, trẻ em)	Bộ xông khí dung sử dụng 01 lần. Chất liệu nhựa y tế, 100% không chứa cao su. Chống gãy gập, chiều dài có thể điều chỉnh. Màu theo yêu cầu. Không chứa DEHP. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương..	Túi 1 cái	Cái	300
85	137	N08.00.240	Đè lưỡi gỗ	Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng, mỗi que được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 cái	Cái	5.000
86	138	N08.00.030	Băng keo thử nhiệt hấp ướt	Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn hơi nước với mục đích cố định gói dụng cụ chắc chắn và phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa. Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải học, giấy gói, bao plastic. Các vạch chỉ thị hóa học sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng nhạt/rám nắng sang nâu sẫm/đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cuộn	Cuộn	20
87	139	N08.00.030	Băng keo thử nhiệt sấy khô	Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn bằng nhiệt độ. Thông số "đạt" khi chỉ thị chuyển sang màu nâu.		Cuộn	20

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
88	140		Mỏ vít nhựa	- Nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, trong suốt, không chứa DEHP. Gồm hai phần được nối với nhau bởi các khớp và có khóa, dễ dàng điều chỉnh độ mở, giúp cho tầm quan sát rộng. - Vô trùng, dùng 1 lần, giúp ngăn chặn nguy cơ lây nhiễm HIV, viêm gan B, các bệnh xã hội và bệnh phụ khoa khác. -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	1.000
89	141		Gen siêu âm	Phù hợp với các tần số siêu âm, không gây bắn, không kích ứng da, không có Formandehyd. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Can 5 lít	Can	30
90	142		Gen bôi trơn	- Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng. Không gây dị ứng, không gây kích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. - Thành phần chính: Water; Glycerin; Monopropylen; Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate; Citric Acid. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Tuýp 82g	Tuýp	250
91	143		Khẩu trang y tế	Khẩu trang 03 lớp: 02 lớp vải không dệt 3S và ở giữa là lớp lọc kháng khuẩn. Vô trùng, dùng trong y tế không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn. Thanh tựa mũi: bằng nhựa định hình, an toàn khi sử dụng, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 cái	Cái	80.000
92	144		Khăn đặt phẫu thuật có lỗ	Kích thước 60x80cm. Được làm từ vải không dệt, đã tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	3.500
93	145		Bộ khăn nội soi khớp gối	Công dụng: Dùng bảo vệ bệnh nhân và các bác sĩ trong các ca phẫu thuật nội soi khớp gối Thành phần 1 bộ gồm: 5 khoản 1. Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200cm -1 cái 2. Khăn thấm - 30x40 -2 cái 3. Bao chi dưới - 28x85 - 1 cái 4. Băng keo OP -10x50 - 2 cái 5. Khăn nội soi khớp gối D- 275x310 - 1 cái • Sản phẩm sạch sẽ, không bụi, không vật thể lạ. Nguyên liệu sử dụng không gây dị ứng & kích ứng da, không chứa các hàm lượng kim loại nặng độc hại. • Đóng gói: 1 bộ/ gói. Tiệt trùng Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	50
94	146		Mũ phẫu thuật vô trùng	Mũ phẫu thuật vô trùng 1 cái/ gói. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 100 cái	Cái	1.000
95	147		Tấm trải Nylon vô trùng	Nylon mảnh HD màu sắc đồng đều, có độ trong, bóng bề mặt, có độ cứng nhất định, dễ gấp nếp. Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách thủng, ko kích ứng da. Đóng gói tiệt trùng.	Túi 1 cái	Cái	1.000
96	148		Vôi Soda	Dạng hạt, đóng can. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Can 4,5 kg	Can	10
97	149		Nhiệt kế 42 độ	Nhiệt kế thủy ngân, dài đo tối thiểu: Từ 35 - 42 độ C. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.		Cái	60
98	150		Huyết áp điện tử	Máy đo huyết áp điện tử. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 1 cái	Cái	15
99	151		Huyết áp kế	Máy đo huyết áp cơ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 1 cái	Cái	15
100	152		Vòng ghi tên bệnh nhân	Làm bằng PVC, dùng để định danh bệnh nhân, các màu, phải đảm bảo đầy đủ ít nhất ba trong các yếu tố nhận dạng người bệnh như: Họ tên, tuổi, giới tính, địa chỉ, số hồ sơ, mã số NB...	Hộp 100 cái	Cái	2.500
101	153		Vòng ghi tên bệnh nhân	Sử dụng cho mẹ và con. Làm bằng PVC, dùng để định danh bệnh nhân, phải đảm bảo đầy đủ ít nhất ba trong các yếu tố nhận dạng người bệnh như: Họ tên, tuổi, giới tính, địa chỉ, số hồ sơ, mã số NB... Màu hồng.	Hộp 100 cái	Bộ	500
102	154		Ống hút thai	Bằng nhựa y tế vô trùng. Gồm các kích cỡ: 4, 5, 6, 7, 8mm	Túi 1 cái	Cái	100
103	155		Ống thổi	Bằng giấy, màu trắng, dài 6cm, đường kính 3cm	Hộp 100 cái	Cái	500

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
104	156		Giấy in nhiệt dùng chung	Giấy in nhiệt dùng chung, kích thước 57 cm.	Túi 1 cuộn	Cuộn	100
105	157		Giấy điện tim 6 cần	Giấy điện tim sọc đỏ. Kích thước 110mm x 140mm x 200sheet. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 tập	Tập	300
106	158		Giấy in ảnh siêu âm	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony. Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. Kích thước 110 mm x 20 m. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 10 cuộn	Cuộn	240
107	159		Giấy monitor sản khoa	Kích thước: $\geq 150 \times \geq 100 \times 150$ sht. Sử dụng cho monitor theo dõi sản khoa model: Avalon FM20	Hộp 5 tập	Tập	20
108	160		Giấy in nhiệt	Sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp. Sử dụng trên máy đo chức năng hô hấp Microlad dùng để in kết quả sau đo	Túi 1 cuộn	Cuộn	30
109	161		Dây garo	Chất liệu thun cotton, dùng thắt mạch, có khóa nhựa chắc chắn.	Túi 1 cái	Cái	50
110	162		Đèn hồng ngoại	Chân đèn bằng kim loại. Bóng đèn hồng ngoại. Được thiết kế cao khoảng 45 cm phù hợp với mọi tư thế điều trị. Cổ ngỗng linh động góc xoay đến gần 360 độ. Công suất cao (100 - 150 - 250 W), tăng giảm nhiệt độ và ánh sáng. Giúp điều chỉnh độ nóng và ánh sáng phù hợp. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 1 cái	Cái	20
111	163		Đèn đọc 2 phim	Biến tần, không mờ mắt. Công tắc hoặc dimmer. Ánh sáng đồng đều. Vỏ đèn bằng inox, treo tường, nguồn điện 220v. Kích thước 45cmx72cm	Hộp 1 cái	Cái	1
112	164		Đèn đọc 3 phim (chân đũa có bánh xe)	Biến tần, không mờ mắt. Công tắc hoặc dimmer. Ánh sáng đồng đều. Vỏ đèn bằng inox, chân đũa có bánh xe, nguồn điện 220v. Kích thước 45cmx108cm	Hộp 1 cái	Cái	1
113	165		Máy điện châm	Gồm: 01 máy chính, 01 cáp nguồn, 06 đầu ra, 02 điện cực dán, 01 bút dò huyết. Có 5 dạng xung (tương ứng với các công dụng trị liệu khác nhau) để lựa chọn: Sóng liên tục, sóng không liên tục, Sóng nén, Sóng dao động lên xuống, Sóng tắt mở. Tần số xung điện dao động từ 1,2Hz - 55Hz. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 1 cái	Cái	15
114	166		Mặt nạ oxy có túi	- Làm từ nhựa PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn - Được thiết kế cho việc truyền khí oxy qua đường miệng với mức độ tập trung oxy cao. Độ tập trung oxy: $\geq 95\%$ với dòng chảy oxy là 5-8l/phút - Mask gồm dây đeo đàn hồi, có túi hít lại; dây nối dài 2m, túi trữ khí 1000ml. Đầu nối tiêu chuẩn. - Gồm các size : XL, L, M, S - Tiệt trùng bằng khí EO	Túi 1 cái	Cái	30
115	167		Xe lăn tay đẩy bệnh nhân	Khung hợp kim nhôm. Màu khung: Vàng, nâu. Có dây đai bảo vệ. Có phanh tay cho người đẩy. Trọng lượng $\geq 12$ kg. Tải trọng $\geq 100$ kg	Hộp 1 cái	Cái	4
116	168		Bộ mở bàng quang qua da	Dùng để dẫn lưu nước tiểu của bàng quang trước và sau phẫu thuật ra ngoài qua đường dẫn lưu. Một bộ bao gồm: Sonde Foley, Dao mổ, Treacar có đường xé bỏ sau khi đặt ống thông	Túi 1 cái	Bộ	10
117	169		Lưới Cmesh mô thoát vị bẹn	Lưới Polypropylene. Kích thước 10x15cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Vi 5 cái	Cái	50
118	170		Bộ đặt Nội khí quản	Chất liệu thép không gỉ. Gồm 3 lưỡi. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 1 bộ	Bộ	5
119	171		Lưỡi đèn nội khí quản số 3	Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	10
120	172		Hộp chữ nhật	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước 22 x 10 cm	Hộp 1 cái	Cái	15
121	173		Bóng đèn xenon	Công suất 300W, 14V. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	2
122	174		Bao đo huyết áp	Được làm từ chất liệu vải cao cấp, đeo thoải mái, bền và an toàn. Sử dụng thay thế cho Máy theo dõi bệnh nhân, tương thích với các loại máy monitor	Túi 1 cái	Cái	30
123	175		Bao đo huyết áp điện tử	Được làm từ chất liệu vải cao cấp, đeo thoải mái, bền và an toàn. Sử dụng thay thế cho máy đo huyết áp điện tử, tương thích với hầu hết các máy đo điện tử.	Túi 1 cái	Cái	10
124	176		Quả đo huyết áp	Bóng đo huyết áp tùy chỉnh, chất liệu thân thiện với môi trường, có thể dùng cho máy đo huyết áp bằng tay	Túi 1 quả	Quả	30

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
125	177		Ống nghiệm thủy tinh 2 vòi	Thủy tinh trong suốt, chịu nhiệt, chịu hóa chất. Ống nghiệm hình trụ, có nhánh ngang chữ L. Có thể dùng kèm nút cao su, ống dẫn khí nhựa.	Túi 1 cái	Cái	500
126	178		Test chỉ thị màu hóa học	Cấu tạo: Bao gồm một bắc giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại. Kiểm soát chất lượng tiết khuẩn gói dụng cụ của tất cả các chu trình tiết khuẩn bằng hơi nước từ $\leq 121$ đến $\geq 134^{\circ}\text{C}$ . Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 500 Test	Test	1.000
127	179		Tay dao điện	Tay dao mô điện 3 chân cắm vô khuẩn dùng 1 lần. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	10
128	180		Nẹp gối H3	Chất liệu bằng vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Gồm các cỡ S, M, L, XL	Túi 1 cái	Cái	100
129	181		Khung tập đi	Thành phần: Khung hợp kim nhôm bền, chắc, đẹp. Đệm tay bằng cao su mềm mại. Có nấc điều chỉnh chiều cao. Có thể gấp gọn. Phía trước có 2 bánh xe đường kính khoảng 13cm Công dụng: sử dụng tập đi.	Túi 1 cái	Cái	50
130	182		Bơm Karman 1 van	Bơm hút thai gồm các bộ phận nhỏ như sau: 1 ống bơm 1 van 60cc; 1 pít tổng kín; 1 gioăng cao su hình chữ O.; 1 đai hãm cổ bơm giữ cho pít tổng không bị tuột khỏi ống bơm; 1 bộ van (gồm 1 van và 1 van lót bằng cao su) có khóa bằng nút bấm có tác dụng giữ hoặc giải phóng áp lực chân không; 1 lọ dầu silicon có tác dụng bôi trơn dụng cụ	Túi 1 cái	Cái	5
131	183		Bóng đèn cực tím	Size 90cm, thay thế cho đèn cực tím. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 cái	Cái	30
132	184		Bộ máng bóng đèn cực tím	Bao gồm bộ máng đèn bằng Inox, kích thước dài 90 cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 1 cái	Cái	6
133	185		Bóng đèn gù	Công suất 24v-25w, hình cầu, tráng gương phản xạ phía trên, đui gài. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương.	Hộp 1 cái	Cái	10
134	186		Bóp bóng Ampu	Chất liệu PVC. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Hộp 1 cái	Cái	5
135	187		Đồng hồ giảm áp Oxy	Gắn vào bình oxy dùng cho người bệnh y tế. Sản phẩm có một đầu kết nối với nguồn oxy, đầu ra kết nối với người bệnh cần khí oxy. Đồng hồ oxy y tế có thể kiểm tra áp suất oxy và điều chỉnh lưu lượng bằng cột lưu lượng Áp lực đầu vào: 15Mpa	Hộp 1 cái	Chiếc	3
136	188		Túi chườm nóng	Là một túi chứa chất làm nóng (nước nóng), đặt lên một bộ phận cơ thể để làm ấm hoặc giảm đau.	Hộp 1 cái	Cái	15
137	189		Giấy ghi điện tim	Sử dụng cho monitor theo dõi bệnh nhân Nihonkolden	Túi 1 cuộn	cuộn	10
138	190		Kéo cong nhọn 16cm	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước trong khoảng từ 15 cm đến 17 cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	5
139	191		Kéo thẳng 18 cm, 20cm	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước khoảng 18cm - 20cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	30
140	192		Kẹp răng chuột	Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	5
141	193		Kẹp phẫu tích có máu	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước khoảng 14cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	20
142	194		Kẹp phẫu tích không máu	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước trong khoảng từ 12 cm đến 30 cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	20
143	195		Khay Inox	Chất lượng bằng Inox, kích thước khoảng 31x21x3cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	10
144	196		Panh cong có máu	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước khoảng 16cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	10
145	197		Kéo phẫu thuật	Chất liệu thép không gỉ. Kích thước khoảng 23cm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	10
146	198		Băng chun cuộn	Kích thước 10cm x 4,5m; Sợi polyester, spandex và cotton.	Túi 1 cái	Cuộn	600

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
147	199		Miếng dán máy tạo nhịp	Là vật tư tiêu hao dùng một lần, chứa gel dẫn điện và keo dính, giúp truyền xung điện từ máy sốc tim ngoài (AED) hoặc máy tạo nhịp tạm thời đến tim bệnh nhân. Sử dụng cho Máy sốc tim Nihonkolden (model: TEC-5631)	Túi 1 cái	Cái	20	
148	200		Giấy in điện tim máy sốc điện	Giấy in điện tim máy sốc điện là loại giấy in nhiệt chất lượng cao, chuyên dụng để ghi lại các tín hiệu điện tim (ECG/EKG) đồ thị sóng, giúp bác sĩ chẩn đoán, sử dụng tương thích với Máy sốc tim Nihonkolden (model: TEC-5631)	Túi 1 cuộn	Cuộn	5	
149	201		Cân điện tử có thước đo chiều cao	Vật liệu: Thép sơn tĩnh điện - Nguồn điện: 6V - Trọng lượng cân tối đa: 150kg (sai số + 100g) - Chiều cao cân: 70-190 cm (sai số ± 0.5cm) - Trọng lượng cân: 13 kg - Kích thước bàn cân: 280×380 mm - Kích thước cân: 680×280×790 cm	Hộp 1 cái	Cái	1	
150	202		Gạc mỡ	Gạc lưới Lipido colloid vô trùng - Lưới đan dệt 100% polyester tẩm khối lipido-colloid bao gồm các phân tử hydrocolloid và vaseline. - Tiệt trùng bằng tia xạ. - Độ dính < 1cN/cm - Kích thước lỗ lưới 0.5mm <sup>2</sup> - Thay băng không đau, không gây tổn thương vết thương - Có thể lưu băng đến 7 ngày - Kích thước: 10cm x10cm	Túi 1 cái		500	
151	203		Đèn gù	Nguồn điện: 220V - 50Hz Điện áp của bóng đèn: 24V Công suất của bóng đèn: 25W Độ chiếu sáng: >12000 Lux Thay đổi độ cao đèn từ 90-160cm	Hộp 1 cái	Cái	2	
V			<b>Vật tư tiêu hao phục vụ nội soi tiêu hóa</b>					
1	204		Thông lọng cắt polyp	Thông lọng được thiết kế hình Oval. Chiều dài làm việc 230cm, đường kính vỏ 2.3mm, độ mở từ 10-36mm.	Túi 1 cái	Cái	5	
2	205		Clip cầm máu xoay hai chiều	Clip cầm máu dùng một lần có đường kính mở 11mm, xoay 2 chiều 360 độ (cán màu xanh, vàng) với độ mở 135 độ. Chiều dài 2300mm. Sau khi bắn ra, clip có độ dài stem tương ứng là 9.8mm Đường kính ngoài của ống tube tối đa 2.6mm. Kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. Tay cầm chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	50	
3	206		Kim lấy HP dạ dày	Kim lấy HP dạ dày không kim; ngàm hình oval hoặc hình tròn. Chiều dài làm việc 150cm-160cm, tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm độ mở 3-4mm	Túi 1 cái	Cái	20	
4	207		Kim sinh thiết đại tràng	Kim sinh thiết có kim hoặc không kim; ngàm hình oval hoặc hình tròn. Chiều dài làm việc 160cm-230cm, tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	10	
VI			<b>Thuốc thử xét nghiệm các loại</b>					
VI.1			<b>Thuốc thử, vật tư của máy xét nghiệm sinh hóa tự động AU 640 (Model: AU480)</b>					
1	208		Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT. Thành phần chính: Tris buffer pH 7.15 (37°C) 100mmol/L; L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x50ml+4x25ml 1	Hộp	22	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2	209		Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST. Thành phần chính: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH $\geq$ 0.9 kU/L; MDH $\geq$ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x50ml+ 4x50ml	Hộp	14
3	210		Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT. Thành phần chính: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L- $\gamma$ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x40ml+ 4x40ml	Hộp	6
4	211		Thuốc thử xét nghiệm định lượng glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose. Thành phần chính: Đệm PIPES (pH 7,6), 24,0 mmol/L, ATP $\geq$ 2,0 mmol/L, Hexokinase $\geq$ 0,59 kU/L, G6P-DH $\geq$ 1,58 kU/L. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x25ml+ 4x12.5ml	Hộp	18
5	212		Thuốc thử xét nghiệm định lượng triglyceride	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride. Thành phần chính: PIPES buffer (pH 7.5) 50 mmol/L; Mg <sup>2+</sup> 4.6 mmol/L; MADB 0.25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; ATP 1.4 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L ( 25 $\mu$ kat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L ( 8.3 $\mu$ kat/L); Peroxidase 0.98 kU/L ( 16.3 $\mu$ kat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L ( 24.6 $\mu$ kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L ( 24.6 $\mu$ kat/L); Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện.	4x50ml+ 4x12.5ml	Hộp	18
6	213		Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine. Thành phần chính: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện.	4x51ml+ 4x51ml	Hộp	30
7	214		Thuốc thử xét nghiệm định lượng albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin. Thành phần chính: Succinate buffer (pH 4.2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0,2 mmol/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x54ml	Hộp	3
8	215		Thuốc thử xét nghiệm định lượng protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần. Thành phần chính: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18.8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x25ml+ 4x25ml	Hộp	4
9	216		Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong nước tiểu và trong CSF. Thành phần chính: R1: Pyrogallol Red 47 $\mu$ mol/L; Natri Molybdate 320 $\mu$ mol/L; Axit succinic 50 mmol/L ; Chất hiệu chuẩn: Albumin huyết thanh người 0,5 g/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x19ml+ 1x3ml	Hộp	3
10	217		Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần. Thành phần chính: Caffeine 2.1 mmol/L; 3,5-dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L; Surfactant. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x15ml+ 4x15ml	Hộp	4
11	218		Thuốc thử xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp. Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x20ml+ 4x20ml	Hộp	4

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
12	219		Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK. Thành phần chính: Imidazole (pH 6.5, 37°C) 100 mmol/L; NADP 2.0 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; N-acetylcysteine 0.2 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate 0.01 mmol/L; HK $\geq 4.0$ kU/L; G6P-DH $\geq 2.8$ kU/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13435 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x44ml+4x8ml +4x13ml	Hộp	3
13	220		Thuốc thử xét nghiệm định lượng CK-MB	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần chính: Dung dịch đệm Imidazole (pH 6.7) 100 mmol/L; Diadenosine-pentaphosphate 0.01 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; G6P-DH $\geq 2.8$ kU/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; N-Acetylcysteine 0.2 mmol/L; Kháng thể kháng tiêu đơn vị CK-M. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	2x22ml+2x4ml +2x6ml	Hộp	3
14	221		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CK-MB	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần chính: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. Chất hiệu chuẩn mức 1. Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x1ml	Lọ	2
15	222		Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng CK-MB	Chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB. Thành phần chính: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x2ml	Lọ	2
16	223		Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng CK-MB	Chất kiểm chuẩn mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme. Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x2ml	Lọ	2
17	224		Thuốc thử xét nghiệm định lượng cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol. Thành phần chính: 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 $\mu$ kat/L); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 $\mu$ kat/L); Peroxidase $\geq 10$ kU/L (166,7 $\mu$ kat/L) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x22.5ml	Hộp	15
18	225		Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HDL-Cholesterol. Thành phần chính: Kháng thể kháng $\beta$ -lipoprotein ở người nồng độ thay đổi; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; F-DAOS 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x51.3ml +4x17.1ml	Hộp	4
19	226		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần chính: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x5ml	Lọ	1
20	227		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. Thành phần chính: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người). Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	2x3ml	Hộp	2
21	228		Thuốc thử xét nghiệm định lượng ure	Hóa chất dùng cho xét nghiệm urê; Thành phần chính: Tris buffer 100 mmol/L; NADH $\geq 0.26$ mmol/L; Tetra-Sodium diphosphate 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarate $\geq 9,8$ mmol/L; Urease $\geq 17,76$ kU/L; ADP $\geq 2,6$ mmol/L; GLDH $\geq 0,16$ kU/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x53ml+ 4x53ml	Hộp	8

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
22	229		Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fe (Sắt)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Sắt. Thành phần chính: Glycine buffer (pH 1.7) 215 mmol/L; L-ascorbic acid 4.7 mmol/L; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine 0.5 mmol/L. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x30ml+ 4x30ml	Hộp	3
23	230		Thuốc thử xét nghiệm định lượng $\alpha$ -Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm $\alpha$ -amylase. Thành phần chính: MES (pH 6,05) 36,1 mmol/L; Calcium acetate 3,60 mmol/L; NaCl 37,2 mmol/L; Potassium thiocyanate 253 mmol/L; CNPG3 1,63 mmol/L.; Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x40ml	Hộp	8
24	231		Thuốc thử xét nghiệm định lượng acid uric	Hóa chất dùng cho xét nghiệm axit uric. Thành phần chính: Phosphate Buffer (pH 7.5) 42 mmol/L; MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Peroxidase $\geq$ 5.9 kU/L (98 $\mu$ kat/L); Uricase $\geq$ 0.25 kU/L (4.15 $\mu$ kat/L); Ascorbate Oxidase $\geq$ 1.56 kU/L (26 $\mu$ kat/L). Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x30ml+ 4x12.5ml	Hộp	4
25	232		Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO2	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2. Thành phần chính: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	3x5mL	Hộp	1
26	233		Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO2	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2. Thành phần chính: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	3x5mL	Hộp	1
27	234		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO2	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2. Thành phần chính: dung dịch đệm, chứa: đệm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	2x5mL	Hộp	1
28	235		Thuốc thử xét nghiệm định lượng ethanol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol. Dải đo: 8.11 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	2x20ml+ 2x7mL	Hộp	4
29	236		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c. Thành phần chính: Máu người chứa các haemoglobin bình thường. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	2x1ml+2x1ml	Hộp	1
30	237		Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	Hóa chất dùng cho xét nghiệm HbA1c. Thành phần chính: + Chất hiệu chuẩn HbA1c; Hemolysate (người và cừu); 0,9% tetradecyltrimethylammonium bromide; + Thuốc thử HbA1c R1 Antibody: Kháng thể kháng HbA1c ở người (cừu) $\geq$ 0,5 mg/mL; đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Thuốc thử HbA1c R2 Polyhapten: HbA1c Polyhapten $\geq$ 8 $\mu$ g/mL; đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Hemoglobin toàn phần R1: Dung dịch đệm photphat, pH 7,4: 0,02 mol/L; Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	2x37.5ml+ 2x7.5ml+2x34. 5ml+5x2ml cal	Hộp	8
31	238		IVD ly giải xét nghiệm định lượng HbA1c	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1000ml	Hộp	4

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
32	239		Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP Latex. Thành phần chính: Glycine buffer 100 mmol/L; Latex, phủ kháng thể kháng CRP < 0.5% w/v. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x30ml+ 4x30ml	Hộp	15
33	240		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường. Thành phần chính: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa các lượng khác nhau của CRP người. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	5x2ml	Hộp	1
34	241		Chất kiểm chứng cho xét nghiệm CRP Latex	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm CRP Latex; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa các lượng khác nhau của CRP người; Chất kiểm chứng 2 mức; Tham chiếu theo CRM470. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	2x3ml+2x3ml	Lọ	1
35	242		Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa. Thành phần chính: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Chất vệ sinh cô đặc Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x5l	Can	20
36	243		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 25 thông số hóa sinh	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy. Thành phần chính: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật: Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase..... Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x5ml	Lọ	15
37	244		Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 32 thông số hóa sinh	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần chính: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase .... Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x5ml	Lọ	40
38	245		Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 32 thông số hóa sinh	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần chính: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase .... Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x5ml	Lọ	40
39	246		Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 17 thông số sinh hóa	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: huyết thanh người, $\alpha$ -1 acidglycoprotein, Ferritin, $\alpha$ -1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, $\beta$ -2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x2ml	Lọ	3
40	247		Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 17 thông số sinh hóa	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: huyết thanh người, $\alpha$ -1 acidglycoprotein, Ferritin, $\alpha$ -1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, $\beta$ -2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x2ml	Lọ	3

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
41	248		Thuốc thử xét nghiệm định lượng P (Phospho) vô cơ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm photpho vô cơ; Thành phần: Sulphuric acid 200 mmol/L; Ammoniumheptamolybdate 0,35 mmol/L; Glycine 50 mmol/L. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	4x15ml+4x15ml	Hộp	1	
42	249		Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 14 thông số sinh hóa	Dạng bột đông khô, thành phần: nước tiểu người. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x5mL	Hộp	1	
43	250		Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 14 thông số sinh hóa	Dạng bột đông khô, thành phần: nước tiểu người. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1x5mL	Hộp	1	
44	251		Bóng đèn	Vật tư thay thế cho máy. Bóng đèn Halogen trong máy 12V, 20W. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	1cái	Cái	2	
45	252		Que khuấy	Que khuấy dạng xoắn, phủ Teflon, dài 7,6cm (+/- 0,1cm), Chiều rộng thanh khuấy: 3,0 mm (+/- 0,2 mm)	1 Que	Que	1	
46	253		Cốc đựng mẫu dùng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần: Polystyrene hoặc tương đương. Vật tư tiêu hao theo máy. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	100 cái/hộp	Hộp	5	
47	254		Dây bơm nhu động	Vật tư thay thế cho máy, làm bằng cao su và nhựa, dài ≥ 10.5 cm. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tại Bệnh viện	2 Cái/ Túi	Túi	2	
48	255		Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ca (Calci) toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng canxi toàn phần; Thành phần: Imidazol (pH 6,9); Arsenazo III 0,02%; Phương pháp: Arsenazo III; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 1 – 5 mmol/L (4 – 20 mg/dL); Nước tiểu: 0,1 – 10 mmol/L (0,4 – 40 mg/dL); Bước sóng: 660 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại ≤3% /Độ chụm toàn phần: ≤ 4%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 33 test. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương	4x15ml	Hộp	3	
49	256		Xy-lanh hút hóa chất	Vật tư tiêu hao thay thế cho máy sinh hoá của Bệnh viện	Túi 1 cái	Hộp	1	
50	257		Xy-lanh hút bệnh phẩm	Vật tư tiêu hao thay thế cho máy sinh hoá của Bệnh viện	Túi 1 cái	Hộp	2	
<b>VI.2</b>			<b>Thuốc thử, vật tư của máy xét nghiệm miễn dịch (Model: Access 2)</b>					
1	258		Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim	Dùng để định lượng troponin I. Phạm vi phân tích: 2,3 - 27.027pg/mL. Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	40	
2	259		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I tim	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng cTnI siêu nhạy. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	3x1.5mL+ 4x1mL	Hộp	2	
3	260		Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	Dùng để định lượng AFP. Phạm vi phân tích: 0,5–3.000 ng/mL [0,41–2.478 IU/mL]. Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 9001 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	2	
4	261		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng AFP. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	7x2.5mL	Hộp	1	
5	262		Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125	Dùng để định lượng CA 125. Phạm vi phân tích: 0,5 U/mL - 5.000 U/mL. Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	2	
6	263		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 125. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x2.5mL	Hộp	1	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7	264		Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3	Dùng để định lượng CA 15-3. Phạm vi phân tích: 0,5–1.000 U/mL. Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	2
8	265		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng CA 15-3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x1.5mL	Hộp	1
9	266		Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	Dùng để định lượng Ferritin. Phạm vi phân tích: 0,2–1.500 ng/mL ( $\mu\text{g/L}$ ). Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	12
10	267		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ferritin	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng Ferritin. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x4mL	Hộp	2
11	268		Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do	Dùng để định lượng T4 tự do. Phạm vi phân tích: 0,25–6 ng/dL [3,2–77,2 pmol/L]. Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	3
12	269		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4 tự do	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng T4 tự do. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x2.5mL	Hộp	1
13	270		Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	Dùng để định lượng T3. Phạm vi phân tích: 0,1 - 8 ng/mL (0,2–12,3 nmol/L). Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	3
14	271		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng T3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x4mL	Hộp	1
15	272		Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	Dùng để định lượng PSA toàn phần. Phạm vi phân tích: 0,008-150 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,008-121 ng/mL (hiệu chuẩn WHO). Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	2
16	273		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng PSA toàn phần. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x2.5mL	Hộp	1
17	274		Thuốc thử xét nghiệm định lượng $\beta\text{hCG}$ toàn phần	Dùng để định lượng $\beta\text{hCG}$ toàn phần. Phạm vi phân tích: 0,6-1350 mIU/mL. Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	8
18	275		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng $\beta\text{hCG}$ toàn phần	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng $\beta\text{hCG}$ toàn phần. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x4mL	Hộp	2
19	276		Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	Dùng để định lượng TSH. Phạm vi phân tích: 0,005-50 $\mu\text{IU/mL}$ . Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x100test	Hộp	4
20	277		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng TSH. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x2.5mL	Hộp	1
21	278		Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho máy phân tích miễn dịch	Dung dịch dùng để kiểm tra máy. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x4mL	Hộp	2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
22	279		Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	Dùng để định lượng CEA. Phạm vi báo cáo: 0,1-1.000 ng/mL. Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	2
23	280		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng CEA. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x2.5mL	Hộp	1
24	281		Thuốc thử xét nghiệm định lượng BNP	Dùng để định lượng BNP. Phạm vi phân tích: 3 - 5000 pg/mL. Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	30
25	282		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng BNP	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng BNP. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x1.5mL	Hộp	2
26	283		Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 71 thông số miễn dịch	Dùng để kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u). Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	1x5mL	Lọ	4
27	284		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 9 dấu ấn tim mạch	Dùng để kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x3ml	Hộp	2
28	285		Thuốc thử xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT)	Dùng để định lượng procalcitonin. Phạm vi phân tích: 0,01-100 ng/mL. Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	10
29	286		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT)	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng procalcitonin. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	7x2ml	Hộp	1
30	287		Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức	Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức. Dạng đông khô tăng độ ổn định, 100% Huyết thanh người, chứa 54 thông số. Bao gồm cả $\beta$ -2 - Microglobulin, CA15-3, CA19-9, CA125, Growth Hormone (GH), Oestradiol, Paracetamol, 1-25-(OH) <sup>2</sup> - Vitamin D*.... Mức Ferritin và Vitamin B12 phù hợp để theo dõi bệnh thiếu máu. Nồng độ TSH rất thấp ở mức 1. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	12 x 5ml	Hộp	1
31	288		Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	1x5 ml	Lọ	1
32	289		Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch	Chất kiểm chứng dạng lỏng, được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người.	1x5 ml	Lọ	1
33	290		Thuốc thử xét nghiệm định lượng cortisol	Dùng để định lượng Cortisol. Phạm vi phân tích: 0,4-60 $\mu$ g/dL [11-1.655 nmol/L]. Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x50test	Hộp	5
34	291		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng cortisol	Dùng để hiệu chuẩn của xét nghiệm định lượng Cortisol. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x4mL	Hộp	1

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
35	292		Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng iPTH	- Thành phần: RB. Chất nền protein (bè) đậm, 0,5% ProClin 300. S0: Dung dịch đệm PBS, albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit. S1,S2,S3,S4,S5: Khoảng 10, 60, 300, 1.500 và 3.500 pg/mL (tương ứng là 1,1, 6,4, 31,8, 159 và 371 pmol/L) PTH (kháng nguyên tổng hợp) trong dung dịch đệm PBS có BSA, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit.	2x4 ml+ 6x1 ml	Hộp	1
36	293		Thuốc thử xét nghiệm định lượng iPTH	- Phạm vi phân tích: 1-3500 pg/mL (0,1-371 pmol/L) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuần từ phủ kháng thể của dê kháng PTH được huyền phù hóa trong dung dịch muối đệm TRIS có albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. R1b: Dung dịch muối đệm TRIS có ACE chặn, protein (của chuột, dê), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. R1c: Chất cộng hợp kháng thể đơn dòng của chuột kháng PTH - phosphatase kiềm trong dung dịch muối đệm ACES có BSA, chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300	2x50 test	Hộp	4
37	294		IVD là giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Giếng phản ứng dùng cho máy miễn dịch. Chất liệu Polypropylene, dạng tích tối đa 1 ml. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	16x98cái	Hộp	20
38	295		IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Cơ chất phát quang. Thành phần chính: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	4x130mL	Hộp	10
39	296		IVD đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch dùng để rửa cho máy miễn dịch. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	4x1950mL	Hộp	40
40	297		IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch dùng để rửa máy hàng ngày, thành phần acid. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	1 gallon	Can	1
41	298		IVD là dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch và máy xét nghiệm tế bào dòng chảy	Dung dịch dùng để rửa máy hàng ngày, thành phần base. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	1Lit	Bình	1
42	299		Dây bơm	Đường kính trong $\geq 1,29$ mm. Vật tư thay thế cho máy. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	1cái/ Túi	Túi	1
43	300		Màng bơm chân không	Vật tư tiêu hao thay thế cho máy	Túi 1 cái	Cái	1
44	301		Dây bơm	Đường kính trong $\geq 2,79$ mm, bằng cao su. Vật tư thay thế cho máy. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	Túi 1 cái	Túi	1
<b>VI.3</b>		<b>Thuốc thử, vật tư của máy xét nghiệm miễn dịch (Model: Liaison XL)</b>					
1	302		Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	Dùng để định lượng T3. Miễn dịch hoá phát quang cạnh tranh, một bước. Định lượng. Dải đo: 0 - 800 ng/dL. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	100test	Hộp	25
2	303		Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	Dùng để định lượng FT4. Miễn dịch hoá phát quang kỹ thuật kháng nguyên liên kết pha rắn cạnh tranh, một bước. Dải đo: 0 - 10 ng/dL hoặc 0 - 128,7 pmol/L. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	100test	Hộp	25

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3	304		Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	Dùng để định lượng TSH. Miễn dịch hoá phát quang kẹp, một bước. Dải đo: 0 - 100 mIU/L. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	100test	Hộp	30
4	305		Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	Dùng để định lượng CEA. Miễn dịch hoá phát quang kẹp, hai bước. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	100test	Hộp	8
5	306		Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125	Dùng để định lượng CA 12-5. Miễn dịch hoá phát quang kẹp, hai bước. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch của Bệnh viện	100test	Hộp	5
6	307		Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3	Dùng để định lượng CA 15-3. Miễn dịch hoá phát quang kẹp, hai bước. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	100test	Hộp	5
7	308		Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9	Dùng để định lượng CA 19-9. Miễn dịch hoá phát quang kẹp, hai bước. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	100test	Hộp	2
8	309		Bộ thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	Dùng để định lượng AFP. Miễn dịch hoá phát quang kẹp, hai bước. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	100test	Hộp	6
9	310		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 8 thông số miễn dịch	Dùng để kiểm chuẩn cho các xét nghiệm chỉ tố ung thư: CEA, AFP, CA 153, CA 125, CA 199, HCG, B2 Microglobulin, Ferritin. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x3ml+2x3ml	Hộp	1
10	311		Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NSE	Dùng để định lượng NSE. Miễn dịch hoá phát quang dạng kẹp, một bước. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	100test	Hộp	1
11	312		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng NSE	Dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm NSE. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	2x1ml+2x1ml	Hộp	1
12	313		Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA	Dùng để định lượng PSA. Miễn dịch hoá phát quang kẹp, hai bước. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	100test	Hộp	5
13	314		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng PSA	Dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm PSA. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch của Bệnh viện	2x2ml+2x2ml	Hộp	1
14	315		Dung dịch hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch dùng để kiểm tra hệ thống, dạng bột đông khô. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	12x2ml	Hộp	2
15	316		IVD kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Dùng để mỗi phản ứng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện.	3x230ml+3x230ml	Hộp	6
16	317		Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch dùng để rửa hệ thống, sử dụng để rửa giữa các xét nghiệm miễn dịch. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	6x1L/box	Hộp	2
17	318		IVD làm sạch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Dung dịch làm sạch hệ thống. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	(10x3.5ml+2 tích hợp)	Hộp	3
18	319		Đầu côn dùng một lần sử dụng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Đầu côn dùng một lần. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	576cái/hộp - 12 hộp/thùng	Hộp	25

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
19	320		Vật chứa mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Cống phản ứng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	1800 Công/đôi	Hộp	10
20	321		Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng	Dùng để kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 1. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	4 x 5ml	Lọ	6
21	322		Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng	Dùng để kiểm chuẩn cho các xét nghiệm tuyến giáp mức 2. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch tại Bệnh viện	4 x 5ml	Lọ	6
<b>VI.4</b>		<b>Thuốc thử, vật tư của máy xét nghiệm điện giải (Model: ISE 5000)</b>					
1	323		Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, pH	Dùng trong xét nghiệm xác định nồng độ Na, K, Cl, Ca, pH trong mẫu huyết thanh. Thành phần chính: buffer < 0.1%, Inorganic salts < 3,0%, Preservative < 0.05%. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện giải tại Bệnh viện	Hộp 1 bình (Waste, Std A: 650 ml; Std B: 350 ml)	Hộp	15
2	324		Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, pH	Dung dịch kiểm chuẩn các thông số điện giải Na, K, Cl, Ca, pH. Thành phần: Organic Buffer < 0.1%, Inorganic salts < 2.0 %, Preservative < 0.05%. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện giải tại Bệnh viện	1x30ml	Lọ	1
3	325		Điện cực Natri dùng cho máy điện giải	Điện cực Natri dùng cho máy xét nghiệm điện giải. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện giải tại Bệnh viện	1 Cái/Hộp	Cái	1
4	326		Điện cực Kali dùng cho máy điện giải	Điện cực Kali dùng cho máy xét nghiệm điện giải. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện giải tại Bệnh viện	1 Cái/Hộp	Cái	1
5	327		Điện cực Clo dùng cho máy điện giải	Điện cực Clo dùng cho máy xét nghiệm điện giải. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện giải tại Bệnh viện	1 Cái/Hộp	Cái	1
6	328		Điện cực Canxi dùng cho máy điện giải	Điện cực calci dùng cho máy xét nghiệm điện giải. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện giải tại Bệnh viện	1 Cái/Hộp	Cái	1
7	329		Điện cực tham chiếu dùng cho máy điện giải	Điện cực tham chiếu dùng cho máy xét nghiệm điện giải. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện giải tại Bệnh viện	1 Cái/Hộp	Cái	1
8	330		Dây bơm dùng cho máy xét nghiệm điện giải	Vật tư dùng cho máy xét nghiệm điện giải. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm điện giải tại Bệnh viện	1 Chiếc	Chiếc	2
9	331		IVD nạp điện cực Ca	Dung dịch nạp điện cực Ca cho các máy phân tích điện giải ISE 5000 và 6000 của hãng SFRI. Bao gồm: Buffer < 0.5%, Calcium salts < 6%	1x30ml	Lọ	1
10	332		IVD nạp điện cực pH, Na, Cl	Dung dịch nạp các điện cực Na, Cl và pH của các máy phân tích điện giải ISE của hãng SFRI. Thành phần: Buffer < 0.5%, Inorganic salts < 8%	1x30ml	Lọ	1
11	333		IVD nạp điện cực K	Dung dịch nạp điện cực Kali cho các máy phân tích điện giải ISE của hãng SFRI. Thành phần: Buffer < 0.5%, Potassium salts < 6%	1x30ml	Lọ	1
12	334		IVD nạp điện cực tham chiếu	Dung dịch nạp điện cực tham chiếu cho các máy phân tích điện giải ISE của hãng SFRI. Thành phần: Buffer < 0.5%, Inorganic salts < 6%	1x30ml	Lọ	1
<b>VI.5</b>		<b>Thuốc thử, vật tư của máy xét nghiệm huyết học (Model: MEK-9100)</b>					
1	335		Dung dịch pha loãng	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Thành phần chính: Natri clorid, Natri Sulfate Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học tại Bệnh viện	18 Lit/ Can	Can	180
2	336		Hóa chất nội kiểm mức thường	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học mức thường Thành phần chính: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học tại Bệnh viện	3 mL/ Lọ	Lọ	24

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
3	337		Hóa chất nội kiểm mức độ cao	Dùng để kiểm chuẩn máy phân tích huyết học mức cao Thành phần chính: Hồng cầu người, bạch cầu bị kích thích và tiểu cầu của động vật có vú. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học tại Bệnh viện	3ml/ lọ	Lọ	24	
4	338		Dung dịch ly giải màng hồng cầu để đo Hemoglobin	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Thành phần chính: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học tại Bệnh viện	250ml/ Can	Can	55	
5	339		Dung dịch ly giải màng hồng cầu	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Thành phần chính: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích âm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học tại Bệnh viện	250ml/ Can	Can	55	
6	340		Dung dịch rửa	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Thành phần chính: Sodium alkyl ether sulphate Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học tại Bệnh viện	2 Lít/ Can	Can	20	
7	341		Dung dịch rửa đậm đặc	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Thành phần chính: Sodium hypochlorite, Sodium hydroxide Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học tại Bệnh viện	3x15ml/ Bộ/ Hộp	Bộ	10	
<b>VI.6</b>		<b>Thuốc thử, vật tư của Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ (Model: VITEK 2 Compact)</b>						
1	342		Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm (GN)	Thẻ định danh Gram âm sử dụng tương thích với máy định danh và làm kháng sinh đồ tự động tại Bệnh viện. Để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Thẻ gồm $\geq 47$ thử nghiệm sinh hóa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	20 thẻ/hộp	Hộp	6	
2	343		Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	Thẻ định danh Gram dương sử dụng tương thích với máy định danh và làm kháng sinh đồ tự động tại Bệnh viện. Để định danh các vi sinh vật Gram dương. Thẻ gồm $\geq 43$ thử nghiệm sinh hóa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	20 thẻ/hộp	Hộp	9	
3	344		Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm sử dụng tương thích với máy định danh và làm kháng sinh đồ tự động tại Bệnh viện. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	20 thẻ/hộp	Hộp	6	
4	345		Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương sử dụng tương thích với máy định danh và làm kháng sinh đồ tự động tại Bệnh viện. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	20 thẻ/hộp	Hộp	9	
5	346		Test nhanh chẩn đoán Hpylori bằng mảnh sinh thiết	Ống nhựa có nắp nhấn kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Thành phần: Urea, Phenol red, Agar, pH $6.8 \pm 0.2$ Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 ống (test)	Test	2.500	
6	347		Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần sử dụng tương thích với máy định danh và làm kháng sinh đồ tự động tại Bệnh viện. tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 2000 ống	Hộp	1	
7	348		Nước muối 0.45% pha huyền dịch vi khuẩn	Nước muối 0.45% để pha huyền dịch vi khuẩn cho mẫu xét nghiệm sử dụng tương thích với máy định danh và làm kháng sinh đồ tự động tại Bệnh viện. Đóng chai 500 ml. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Chai 500ml	Chai	4	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8	349		Dụng cụ đo độ đục canh khuẩn dùng cho máy định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ tự động	Thành phần: + Bộ phận để màn hình có chức năng đồng bộ và sạc điện cho bộ phận đọc + Bộ phận đọc thực hiện đọc quang đưa ra giá trị McFarland của huyền dịch vi khuẩn và gửi kết quả tới Bộ phận để màn + Bộ chuẩn - Có tính năng ghi lại giá trị đo và gửi tới phần mềm, tự động đưa ra dải đo. - Là thiết bị đo quang mật độ vi khuẩn trong huyền dịch với 0.45-0.5% saline, tương thích với máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động VITEK 2	Hộp 1 cái	Cái	1
9	350		Bộ căn chuẩn sử dụng cho máy cấy máu	Bộ dụng cụ chuẩn máy cấy máu tự động. Sử dụng tương thích với máy cấy máu tự động tại Bệnh viện	Bộ 1 hộp	Bộ	1
10	351		Chai cấy máu hiệu khí	Chai cấy máu cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu xanh, chứa $\geq 30$ ml môi trường và $\geq 1.6$ g hạt polime hấp phụ, phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm men) từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể, sử dụng tương thích với máy cấy máu tự động tại Bệnh viện. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	30ml /chai	Chai	1.000
11	352		Môi trường nuôi cấy nấm (Thạch Sabourau)	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm. Thành phần chính: Mycologic peptone, Glucose (dextrose), Agar, pH: $5.6 \pm 0.2$ ở $25^\circ\text{C}$ . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp 10 đĩa	Đĩa	50
12	353		Môi trường thạch máu	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Thành phần chính: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: $7.3 \pm 0.2$ . Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 10 đĩa	Đĩa	600
13	354		Môi trường phân lập các vi khuẩn Enterobacteriaceae	Môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Thành phần chính: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: $7.1 \pm 0.2$ . Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 10 đĩa	Đĩa	600
14	355		Bộ thuốc nhuộm Gram	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 100ml và Safranin chai 100ml. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. - Đóng gói: Bộ 4 chai x 100ml	Hộp 1 bộ	Bộ	3
15	356		Chủng vk Enterobacter hormonas maltophilia	Que cấy chủng chuẩn Enterobacter hormonas maltophilia. Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	5 que/hộp	Hộp	1
16	357		Chủng vk Stenotrophomonas maltophilia	Que cấy chủng chuẩn Stenotrophomonas maltophilia Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	5 que/hộp	Hộp	1

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
17	358		Chủng vi khuẩn Enterococcus Caseiliflarus	Que cấy chùng chuẩn Enterococcus Caseiliflarus ATCC 700327 Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đóng gói: Gói/ 5 que Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. - Bảo quản: 2-8 °C	5 que/hộp	Hộp	1	
18	359		Chủng vi khuẩn Staphylococcus saprophyticus	Que cấy chùng chuẩn Staphylococcus saprophyticus Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	5 que/hộp	Hộp	1	
19	360		Chủng vi khuẩn Escheriachia coli	Que cấy chùng chuẩn Escheriachia coli Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	5 que/hộp	Hộp	1	
20	361		Chủng vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa	Que cấy chùng chuẩn Pseudomonas aeruginosa Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	5 que/hộp	Hộp	1	
21	362		Chủng vi khuẩn Staphylococcus aureus	Que cấy chùng chuẩn Staphylococcus aureus Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	5 que/hộp	Hộp	1	
22	363		Chủng vi khuẩn Enterococcus fae calis	Que cấy chùng chuẩn Enterococcus faecalis Que cấy ở dạng sẵn sàng sử dụng, có đầu vòng tròn, được dùng 1 lần - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	5 que/hộp	Hộp	1	
<b>VI.7</b>		<b>Thuốc thử, vật tư của máy xét nghiệm nước tiểu MTI (Model: Auto 100)</b>						
1	364		Thanh thử nước tiểu 11/12 thông số	TThanh thử nước tiểu 11/12 thông số: Urobilinogen, Bilirubin, Ketone, Protein, Nitrite, Leucocytes, Glucose, Specific Gravity, pH, Blood, Ascorbic Acid. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu tại Bệnh viện	100test/Hộp	Hộp	100	
2	365		Dung dịch rửa máy nước tiểu	Dung dịch rửa máy nước tiểu để rửa máy/ bảo dưỡng máy sau mỗi mẫu đo cuối ngày. Thành phần chính chứa Sodium hydroxide, surfactant, buffer solution. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu tại Bệnh viện	500ml/ lọ	Lọ	2	
3	366		Chất chuẩn nội kiểm nước tiểu mức 1	Hóa chất nội kiểm que thử nước tiểu, mức 1, có nguồn gốc từ 100% nước tiểu người. Hóa chất dạng lỏng. Các giá trị đích và các dải giá trị kiểm soát nội kiểm được liệt kê trong tờ kit insert đi kèm hộp hóa chất. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu tại Bệnh viện	1x8ml	Lọ	2	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4	367		Chất chuẩn nội kiểm nước tiểu mức 2	Hóa chất nội kiểm que thử nước tiểu, mức 2. có nguồn gốc từ 100% nước tiểu người. Hóa chất dạng lỏng. Các giá trị đích và các dải giá trị kiểm soát nội kiểm được liệt kê trong tờ kit insert đi kèm hộp hóa chất. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu tại Bệnh viện	1x8ml	Lọ	2
<b>VI.8 Thuốc thử, vật tư của máy xét nghiệm đông máu (Model: CA 660)</b>							
1	368		Thuốc thử xét nghiệm APTT	Hóa chất sử dụng để xác định thời gian đông máu nội sinh APTT. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	10x 2ml	Hộp	30
2	369		Calcium Chloride Solution	Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm đông máu, sử dụng cùng với hóa chất APTT. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	10x 15ml	Hộp	6
3	370		Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin	Hóa chất sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT). Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	10x4ml	Hộp	30
4	371		Thuốc thử xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất sử dụng định lượng fibrinogen trong huyết tương. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	10x1ml	Hộp	20
5	372		Dung dịch đệm	Dung dịch đệm dùng với hóa chất định lượng fibrinogen. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	10x 15ml	Hộp	3
6	373		Thuốc thử xét nghiệm D-Dimer	Hóa chất sử dụng định lượng D-Dimer trong huyết tương. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	Reagent: 3 x → 4.0 mL Buffer: 3 x 5.0 mL Supplement: 3 x 2.6 mL Diluent: 3 x 5.0 mL Calibrator: 2 x → 1.0 mL	Hộp	8
7	374		Hóa chất chuẩn D-Dimer	Hóa chất sử dụng để đánh giá độ chính xác và xu hướng phân tích của xét nghiệm định lượng D-Dimer mức bình thường và mức bệnh lý. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	Control 1: 5 x → 1 mL Control 2: 5 x → 1 mL	Hộp	1
8	375		Chất kiểm chuẩn kiểm soát xét nghiệm đông máu mức 1	Sử dụng để kiểm chuẩn ở dải bình thường cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, fibrinogen, ATIII, Batroxobin/ reptilase time. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	10x 1ml	Hộp	8
9	376		Chất kiểm chuẩn kiểm soát xét nghiệm đông máu mức 2	Sử dụng để kiểm chuẩn ở dải cao cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, fibrinogen, ATIII, Batroxobin/ reptilase time. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	10x 1ml	Hộp	8
10	377		Chất chuẩn kiểm soát máy đông máu	Sử dụng để kiểm chuẩn dải bình thường cho các xét nghiệm APTT, PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	10x 1ml	Hộp	1

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
11	378		Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu (mức 1)	Sử dụng để rửa kim trên hệ thống máy đông máu tự động (tính kiểm). Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	1x 50ml	Lọ	50
12	379		Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu (mức 2)	Sử dụng để rửa kim trên hệ thống máy đông máu tự động (tính kiểm). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	1x 500ml	Lọ	3
13	380		Cồng phản ứng đông máu	Cồng phản ứng cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Chất liệu Polystyrene hoặc tương đương. Đường kính miệng ngoài ≤ 10mm; Đường kính lòng trong ≤ 8,3mm; Chiều cao ≤ 29,8mm; Đường kính đáy ≤ 7,6mm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm đông máu tại Bệnh viện	2,000 chiếc/ túi	Túi	15
VI.9		<b>Thuốc thử, vật tư của máy xét nghiệm điện giải 5 thông số</b>					
1	381		Bộ hóa chất dùng cho máy phân tích điện giải ≥ 5 thông số	Hóa chất dạng module, bao gồm Solution A: 650ml + Solution B: 200ml. Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl <sub>2</sub> , pH, Buffer (Dung dịch đệm), Surface active agents (chất hoạt động bề mặt), Preservatives (Chất bảo quản). Nồng độ xét nghiệm: Ammonium molybdate 0.4 mmol/l; Sulphuric acid 100 mmol/l; Hydrochloric acid 100 mmol/l. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp 650ml+ 200ml/ hộp	Hộp	15
2	382		Dung dịch rửa dùng cho máy điện giải.	Dung dịch rửa máy điện giải / bảo dưỡng máy hàng ngày, hoặc rửa sau 60 mẫu. Bảo quản: ở nhiệt độ 5-25°C, ở nơi thoáng mát, khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp. Không được làm đóng băng hóa chất. Sodium hypochlorite (NaClO) 0.4% - 0.5%	10x5ml	Hộp	4
3	383		Dung dịch bảo trì máy điện giải	Bộ bảo trì máy điện giải gồm: Dung dịch Deproteinizer dùng để duy trì các điện cực K <sup>+</sup> , Ca <sup>2+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Ca <sup>++</sup> , pH trên máy phân tích điện giải, tăng tuổi thọ cho điện cực, giảm thiểu việc thay điện cực.	3x2ml	Hộp	2
4	384		Hóa chất chuẩn các thông số điện giải	Dung dịch kiểm chuẩn điện giải sử dụng cho máy phân tích điện giải MTI sử dụng phương pháp ISE. Bảo quản: ở nhiệt độ 5-25°C, ở nơi thoáng mát, khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp. Không được làm đóng băng hóa chất. Thành phần hóa chất gồm: KCl, NaCl, NaAc, CaCl <sub>2</sub> , LiCl, pH buffer, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương	10x 1ml	Hộp	2
5	385		Dung dịch châm điện cực chuẩn	Nạp dung dịch cho điện cực quy chiếu nhằm cung cấp điện thế tham chiếu cho điện cực bên trong của điện cực quy chiếu. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương	20ml	Hộp	1
6	386		Dung dịch nạp điện cực Na, K, Cl, Ca, pH, Ref	Nạp dung dịch cho điện cực K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Ca <sup>2+</sup> , pH nhằm cung cấp điện thế tham chiếu cho điện cực bên trong của điện cực K <sup>+</sup> , Na <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> , Ca <sup>2+</sup> và điện cực pH.	5x0.8ml	Hộp	1
7	387		Điện cực chuẩn	Điện cực tham chiếu đo các tín hiệu thông số điện giải	1 chiếc/ hộp	Cái	1
8	388		Điện cực Na	Điện cực Na đo các tín hiệu thông số Na của máy điện giải	1 chiếc/ hộp	Cái	1
9	389		Điện cực K	Điện cực K đo các tín hiệu thông số K của máy điện giải	1 chiếc/ hộp	Cái	1
10	390		Điện cực Cl	Điện cực Cl đo các tín hiệu thông số Cl của máy điện giải	1 chiếc/ hộp	Cái	1
11	391		Điện cực Ca	Điện cực Ca đo các tín hiệu thông số Ca của máy điện giải	1 chiếc/ hộp	Cái	1
12	392		Điện cực pH	Điện cực pH đo các tín hiệu thông số pH của máy điện giải	1 chiếc/ hộp	Cái	1
13	393		Dây bơm dùng cho máy điện giải đồ	Dây bơm dùng cho máy điện giải. Bảo quản: ở nhiệt độ 5-25°C, ở nơi thoáng mát, khô ráo, tránh ánh sáng trực tiếp	1 chiếc/ hộp	Cái	1
VI.10		<b>Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm HbA1c tự động</b>					
1	394		Phin lọc	Bộ lọc được sử dụng máy xét nghiệm HbA1c tự động hoàn toàn. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm của bệnh viện. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Gói/5 cái	Cái	10

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2	395		Hóa chất hiệu chuẩn xn định lượng HbA1C	Hóa chất chuẩn máy HbA1c gồm 2 mức. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm của bệnh viện. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp/ (2 level x 5 x 4 mL)	Hộp	1
3	396		Hóa chất kiểm soát chất lượng xn định lượng HbA1C	Hóa chất nội kiểm để đánh giá và theo dõi chất lượng của các xét nghiệm HbA1c, gồm 2 mức chuẩn HbA1c (% hoặc mmol/mol). Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm của bệnh viện. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp/ (2 level x 4 x 0.5 mL)	Hộp	1
4	397		Hóa chất rửa và ly giải trong xét nghiệm định lượng HbA1C và Thalassemia	Hóa chất ly giải và rửa máy dựa trên phương pháp sắc kí lỏng cao áp. Thành phần chính chứa nước loại ion, EDTA và Triton X. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm của bệnh viện. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp/2000 ml	Hộp	5
5	398		Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c 1	Dung dịch đệm 1 dùng cho máy HbA1c tự động dựa trên phương pháp sắc kí lỏng cao áp. Thành phần là các dung dịch acid hữu cơ. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm của bệnh viện. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp/800 ml	Hộp	6
6	399		Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c 2	Dung dịch đệm 2 dùng cho máy HbA1c tự động dựa trên phương pháp sắc kí lỏng cao áp. Thành phần chính là các dung dịch acid hữu cơ. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm của bệnh viện. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp/800 ml	Hộp	6
7	400		Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1c 3	Dung dịch đệm 3 dùng cho máy HbA1c tự động dựa trên phương pháp sắc kí lỏng cao áp. Thành phần chính là các dung dịch acid hữu cơ. Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm của bệnh viện. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp/800 ml	Hộp	6
<b>VII</b>		<b>Thuốc thử, sinh phẩm y tế các loại</b>					
1	401		Anti Human Globulin	Bộ xác định Globulin kháng độc tố con người đặc hiệu cho các bài kiểm tra Combs trực tiếp và gián tiếp, nhuộm màu xanh lá cây. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ 10ml	Lọ	5
2	402		Hóa chất chẩn đoán dùng phân tích nhóm máu (Erybank BSA)	Hỗ trợ phản ứng trong xét nghiệm huyết thanh học nhóm máu. Thành phần chính: Dung dịch Albumin 22% tăng tốc độ phản ứng huyết thanh. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ 10ml	Lọ	5
3	403		Huyết thanh định nhóm ABO	Xét nghiệm định tính định nhóm máu hệ ABO trên lam kính và trong ống nghiệm. Bộ kit 3 lọ: Anti - A1 x10ml; Anti - B1 x10ml; Anti - A,B x10ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và tương đương.	Bộ 3 lọ 10ml	Bộ	20
4	404		Huyết thanh mẫu thử RH (Anti RH1)	Xét nghiệm định tính định nhóm máu hệ Rh trên lam kính và trong ống nghiệm, xét nghiệm định tính kháng nguyên Du của hệ Rh trong ống nghiệm. Độ đặc hiệu 100%. Hiệu giá $\geq 1:128$ . Độ chính xác 100%. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ 10ml	Lọ	10
5	405		Thuốc thử xét nghiệm định tính nhóm máu hệ Rh (Anti D/ IgG)	Xét nghiệm định tính định nhóm máu hệ Rh trên lam kính và trong ống nghiệm, xét nghiệm định tính kháng nguyên Du của hệ Rh trong ống nghiệm. Hiệu giá $\geq 1:32$ ; Độ đặc hiệu $\geq 98\%$ . Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Lọ 10ml	Lọ	2
6	406		Test nhanh chẩn đoán HIV	Xét nghiệm định tính phát hiện ra kháng thể với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy $\geq 99\%$ , độ đặc hiệu $\geq 99\%$ . Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm $\geq 30$ phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu, huyết thanh, huyết tương. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 100 test	Test	5.500

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
7	407		Test nhanh chẩn đoán viêm gan B (HbsAg)	Xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg của virus viêm gan B (HBV) trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. Độ nhạy $\geq 98\%$ , độ đặc hiệu $\geq 99\%$ ; Giới hạn phát hiện $\leq 0.11\text{IU/ml}$ . Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm $\geq 30$ phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu, huyết thanh, huyết tương. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 100 test	Test	7.000
8	408		Test ASLO	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng antistreptolysin-O trong huyết thanh người của các bệnh liên cầu khuẩn. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 100 test	Test	300
9	409		Test Cúm A/B	Xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A hoặc/và B trong dịch mũi/dịch họng/ dịch ty hầu, dịch rửa mũi/ty hầu của người, hỗ trợ sàng lọc và chẩn đoán lây nhiễm cúm A/B. - Độ nhạy cúm A: $\geq 92.56\%$ ; Độ đặc hiệu cúm A: $\geq 97.97\%$ - Độ nhạy cúm B: $\geq 93.28\%$ ; Độ đặc hiệu cúm B: $\geq 97.76\%$ . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và tương đương	Hộp 20 test	Test	4.000
10	410		Test Dengue NS1 Ag	Xét nghiệm phát hiện định tính kháng nguyên Virus Dengue Ag (Ns1) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 30 test	Test	1.500
11	411		Test Dengue IgG/IgM	Sử dụng để định tính phát hiện đồng thời và phân biệt IgM và IgG virus Dengue (IgG/IgM) trong Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người nhằm mục đích chẩn đoán sốt xuất huyết Dengue. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 20 test	Test	200
12	412		Test thử CRP	Xét nghiệm phản ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng C-Reactive Protein (CRP) của các bệnh viêm nhiễm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và tương đương	Hộp 100 test	Test	300
13	413		Test thử Giang mai	Xét nghiệm xác định tính kháng thể kháng xoắn khuẩn Giang mai có trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Độ nhạy: 100% ; Độ đặc hiệu: 100% Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 test	Test	100
14	414		Test thử viêm gan A (HAV IgG/IgM)	Xét nghiệm định tính phát hiện HAV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 30 test	Test	500
15	415		Test thử HbeAg	Xét nghiệm định tính phát hiện sự có mặt của HbeAg trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 test	Test	1.200
16	416		Test thử HCV	Xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng virus HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 40 test	Test	2.500
17	417		Test nhanh xét nghiệm sàng lọc và định tính các loại ma túy MOP/AMP/THC/COD/HER	Xét nghiệm định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Sử dụng để phát hiện đồng thời, định tính nhóm các chất gây nghiện và/ hoặc các chất chuyển hóa của chúng: + THC: Marijuana (Cần sa -Bò đả) + MET: Methamphetamine (Ma túy đá) + AMP: Amphetamine (Ma túy tổng hợp) + MOP: Heroin- Morphine-Opiates (Nhóm thuốc phiện) Đọc kết quả trong vòng 05 phút. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương. (Test thử ma túy 5 chân)	Hộp 25 test	Test	500
18	418		Test thử phát hiện kháng thể Lao	Test thử nhanh phát hiện kháng thể Lao. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 20 test	Test	200

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
19	419		Test thử RF Latex	Xét nghiệm phiên ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng in-vitro của các yếu tố thấp khớp (RF) trong huyết thanh không pha loãng để phát hiện các bệnh thấp khớp. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 100 test	Test	800
20	420		Test thử tay chân miệng	Xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 trong ( huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần). Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 25 test	Test	100
21	421		Test thử đường huyết mao mạch	Test nhanh xét nghiệm Glucose trong máu. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 50 test	Test	20.000
22	422		Test thử HEV	Xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể HEV trong huyết thanh huyết tương của người. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 25 test	Test	700
<b>VIII</b>		<b>Vật tư tiêu hao, hóa chất khác sử dụng trong xét nghiệm</b>					
1	423		Đầu cân vàng	Sử dụng cùng Micropipet để hút các mẫu chất lỏng. Sản phẩm sử dụng một lần.	Túi 1000 cái	Cái	5.000
2	424		Đầu cân xanh	Sử dụng cùng Micropipet để hút các mẫu chất lỏng. Sản phẩm sử dụng một lần.	Túi 500 cái	Cái	500
3	425		Đầu cân 100 - 1000 µl	Đầu cân dung tích 100 - 1000 µl, chất liệu bằng nhựa.	96 cái/hộp	Hộp	2
4	426		Đầu cân 0.5 - 250 µl	Đầu cân dung tích 0,5 - 250µL, chất liệu bằng nhựa.	96 cái/hộp	Hộp	2
5	427		Ống chống đông Citrat	Ống làm bằng nhựa PP, kích thước 5ml (12 x 75mm) có nắp cao su kín. Chứa chất chống đông Citrat 3,8%. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc khoảng 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Khay 100 ống	Ống	4.000
6	428		Ống chống đông có EDTA nút cao su (xanh)	Ống làm bằng nhựa PP, kích thước 5ml (12 x 75mm), nắp cao su màu xanh dương. Bên trong ống có chứa chất EDTA K2 kháng đông 2ml máu. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc khoảng 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Khay 100 ống	Ống	20.000
7	429		Ống chống đông Heparin	Ống làm bằng nhựa PP, kích thước 5ml (12 x 75mm), nắp cao su kín. Chứa chất chống đông Heparin. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc khoảng 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Khay 100 ống	Ống	20.000
8	430		Enphedof	- Ống làm bằng nhựa PP, có nắp đậy liền thân - Có vạch chia thể tích tối đa đến 1.5ml. Không tiết trùng	Túi 500 cái	Cái	3.000
9	431		Pipet nhựa 3ml	Chất liệu nhựa y tế, mềm mại, có vạch chia. Chiều dài 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml. Sản phẩm sử dụng một lần.	Túi 500 cái	Cái	1.000
10	432		Lamen	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Độ dày ≥ 0.13 mm. Tiêu bản hình chữ nhật có kích thước 22x40mm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất: ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp 100 cái	Hộp	50
11	433		Ống nước tiểu nhựa có nắp	Ống nghiệm PS tinh khiết 100%, dung tích 10ml, kích thước 16x100mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong. Có nắp đậy sẵn.	Túi 200 cái	Cái	1.000
12	434		Ống nghiệm nhựa có nắp (không có hạt)	Ống nghiệm PS tinh khiết 100%, dung tích 5ml, kích thước 12x75mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong. Có nắp đậy sẵn.	Túi 200 ống	Ống	10.000
13	435		Ống nghiệm thủy tinh máu	Kích thước khoảng 12mm x 80mm. Chất liệu thủy tinh	500 cái/hộp	Ống	2.000
14	436		Ống nghiệm thủy tinh nước tiểu	Kích thước 16mm x 100mm. Chất liệu thủy tinh	500 cái/hộp	Ống	1.000

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
15	437		Hộp nhựa đựng bệnh phẩm	Bằng nhựa có nắp kín, dùng để đựng bệnh phẩm phân, đờm	Thùng 200 cái	Cái	2.000
16	438		Cassette chuyển bệnh phẩm có nắp	Sản phẩm chuyên dụng cho kỹ thuật đúc nén trong giải phẫu bệnh. Sản phẩm làm bằng nhựa y tế, chịu nhiệt và chống dính. Khuôn đúc là loại có nắp, lỗ to và có màu trắng.	500 cái/hộp	Cái	2.000
17	439		Nén hạt	Sáp paraffin hạt tinh khiết được thiết kế để cải thiện khả năng nhúng và thấm thấu vào các phần mô. Thành phần gồm có hợp chất của paraffin tinh khiết và polymers. Không có dimethyl sulfoxide (DMSO). Mang lại khả năng cắt mịn, giảm thiểu đứt đoạn hay nhăn lát cắt tế bào. Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1kg	Kg	100
18	440		Dao cắt bệnh phẩm	Dùng để cắt tiêu bản, để cắt mẫu sinh học thành các phần mỏng cho vi xét nghiệm hiển vi chi tiết trong khoa giải phẫu. Lưỡi dao cắt loại lowprofile, làm bằng thép không gỉ, kích thước khoảng 80x8x0.25mm, góc nghiêng 35 độ. Cắt được tất cả các loại mô. Sử dụng cho tất cả các loại máy cắt tiêu bản.	Hộp 50 cái	Hộp	5
19	441		Dung dịch Xylen	Chất lỏng trong suốt không màu. Công thức hoá học C8H10	Chai 500ml	Chai	100
20	442		Dung dịch Hematoxylin	- Dung dịch màu tím đậm, không mùi; pH $\geq$ 2,3 - Thành phần chính: Nước, Hematoxylin, Muối Aluminum, Select Glycols, Select Acid, Chất bảo quản. Tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Chai 500ml	Chai	20
21	443		Dung dịch Eosin	Dung dịch lỏng màu đỏ. Có thể hòa tan trong nước. Thành phần chính: Ethyl Alcohol $\leq$ 75%; Nước $\leq$ 25%; Isopropyl Alcohol $\leq$ 5%; Methyl Alcohol $\leq$ 5%; Acetic Acid $\leq$ 5%. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Chai 500ml	Chai	10
22	444		Dung dịch OG6	Dung dịch Papanicolaou OG-6, dạng lỏng, màu cam, mùi còn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Chai 500ml	Chai	2
23	445		Dung dịch EA50	Dung dịch nhuộm Papanicolaou EA-50, dạng lỏng, màu xanh, mùi còn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chai 500ml	Chai	3
24	446		Keo gắn Lamén	Keo gắn lam kính chuyên dụng dạng lỏng.	Chai 118ml	Chai	3
25	447		Que cấy nhựa	Que cấy nhựa 10 $\mu$ l được dùng trong việc lấy mẫu sản phẩm. Đóng túi tiệt trùng.	Túi 1 cái	Cái	3.000
26	448		Que tăm bông vô khuẩn	Chất liệu ống, nắp, bằng nhựa, que bằng gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.	Túi 1 cái	Cái	1.000
27	449		Dầu soi kính hiển vi	Là một loại chất lỏng trong suốt, có chiết suất cao được sử dụng trong kính hiển vi quang học	Chai 500 ml	Chai	1
28	450		Dung dịch Acid HNO3	Acid nitric là một hợp chất vô cơ có công thức hóa học HNO <sub>3</sub> . Acid nitric tinh khiết là chất lỏng không màu, bốc khói mạnh trong không khí ẩm.	Chai 500ml	Chai	10
29	451		Muối Na2CO3	Công thức hóa học: Na <sub>2</sub> CO <sub>3</sub> , là muối vô cơ màu trắng, dạng bột, tan tốt trong nước và tạo môi trường bazơ	Chai 500g	Chai	3
30	452		Thuốc nhuộm giếm sa mẹ	Là dung dịch đậm đặc chứa Azure B, Methylene Blue và Eosin, được sử dụng trong xét nghiệm vi sinh và huyết học để nhuộm nhiễm sắc thể, tế bào máu, ký sinh trùng	Chai 1000ml	Chai	1
31	453		Lưu chủng chuẩn	Chất liệu thân ống nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích 2ml. Được sử dụng để bảo quản lạnh các mẫu như máu toàn phần, huyết thanh, tế bào. Ống được thiết kế chịu được độ lạnh -196 độ C hoặc nước sôi 120 độ C.	Túi 100 cái	Túi	1
32	454		Thạch thường	Đây là môi trường chuyên dụng để nuôi cấy các vi khuẩn hiếu khí, kỵ khí tùy tiện, dị dưỡng, đặc biệt là các vi khuẩn sống trong môi trường dinh dưỡng thấp (oligotrophic) thường có trong nước máy hoặc nước đã qua xử lý	Hộp 10 đĩa	Đĩa	100
33	455		Canh thang thường	Canh thang thường là các môi trường nuôi cấy lỏng cơ bản trong vi sinh vật học, được sử dụng để tăng sinh vi khuẩn từ mẫu bệnh phẩm (máu, dịch, phân...) trong các xét nghiệm cấy thủ công	Hộp 10 ống	Ống	100

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
34	456		Khoan giấy Oxydase	Oxydase được ứng dụng trong vi sinh vật học, dùng để xác định các loại chủng vi khuẩn qua việc các vi khuẩn đó tạo ra các cytochrome oxidases	Túi 1 hộp	Hộp	2
<b>IX</b>		<b>Danh mục vật tư sử dụng trong nha khoa</b>					
1	457		Xi măng trám răng (Fuji 9)	Vật liệu hàn răng, trám răng. Bao gồm: 15g Powder, 8g Liquid	Lọ 15g	Lọ	8
2	458		Xi măng gắn răng (Fuji 1)	Vật liệu hàn răng, trám răng. Bao gồm: 15g Powder, 10g Liquid	Lọ 15g	Lọ	3
3	459		Xi măng trám răng (Fuji 2)	Vật liệu hàn răng, trám răng. Bao gồm: 15g Powder, 10g Liquid	Lọ 15g	Lọ	6
4	460		Xi măng gắn răng (Fuji Plus)	Vật liệu hàn răng, trám răng. Bao gồm: 15g Powder, 8g Liquid	Lọ 15g	Lọ	2
5	461	N07.06.040	Vít neo chặn 2.0mm	Đường kính 2.0mm. Tự taro, dài từ 8 - 10mm. Chất liệu Titanium. Đầu hình chữ thập kết hợp lục lăng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 10 cái	Cái	20
6	462	N07.06.040	Vít xương Maxi	Chất liệu: Titanium. Đường kính 2.4 mm. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 10 cái	Cái	20
7	463	N07.06.040	Vít xương mini	Chất liệu Titanium. Tự taro, dài từ 4 - 16mm, đường kính 2.0mm. Đầu vít hình chữ thập Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 10 cái	Cái	50
8	464	N07.06.040	Nẹp mini thẳng	Chất liệu Titanium, Dày 1,0mm. 18 lỗ. Dạng mắt xích, lỗ tròn Dùng vít xương cứng mini 2.0mm, dùng tô vít đầu hình chữ thập Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	10
9	465	N07.06.040	Nẹp maxi thẳng	Chất liệu Titanium, Dùng vít đường kính 2.3mm; dày nẹp 1.5mm; Đạt tiêu chuẩn ISO, 13485: 2016 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	5
10	466	N08.00.330	Mũi khoan xương 2.0	Mũi khoan dùng cho vít 2.0mm Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 5 cái	Cái	5
11	467	N07.06.040	Đầu vận vít neo chặn	Dùng cho vít neo chặn; Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	1
12	468	N07.06.040	Đầu vận vít 2.0	Mũi tô vít RHM cho vít 2.0; Chất liệu thép không gỉ	Túi 1 cái	Cái	1
13	469		Dầu tra tay khoan	Là sản phẩm chứa hoạt chất làm sạch và dầu bôi trơn cao cấp. Sử dụng đúng cách, phù hợp với tất cả các loại tay khoan nha khoa và motor hơi. Dung tích 500ml/ lọ	Lọ 500ml	Lọ	10
14	470		Gấp nha khoa	Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Túi 1 cái	Cái	30
15	471		Trâm tay nội nha (K file)	Các số: K file 08, 19mm, 21mm, 25mm Nguyên vật liệu: Thép không gỉ. Độ trơn: 0.2 Độ dài phân làm việc : 18,21,25,28,31 Mục đích sử dụng: Mở rộng ống tủy, nạo thành ống tủy. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	( 6 cái / hộp)	Cái	100
16	472	N08.00.330	Mũi nạo ngà	Chất liệu thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	( 6 cái / hộp)	Cái	80
17	473	N08.00.330	Mũi khoan (PRO - 2F)	Mũi khoan bằng thép không gỉ được phủ một lớp tinh thể kim cương. Là một dụng cụ xoay dùng để khoan các mô cứng như răng và xương,... được dùng để kết nối với một tay khoan nhanh nha khoa.	( 5 cái/ vi)	Cái	30
18	474	N08.00.330	Mũi khoan nội nha (Mũi khoan răng EA 13)	Mũi khoan bằng thép không gỉ được phủ một lớp tinh thể kim cương. Là một dụng cụ xoay dùng để khoan các mô cứng như răng và xương,... được dùng để kết nối với một tay khoan nhanh nha khoa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	150

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
19	475	N08.00.330	Mũi khoan đầu tròn côn	Mũi khoan bằng thép không gỉ được phủ một lớp tinh thể kim cương. Là một dụng cụ xoay dùng để khoan các mô cứng như răng và xương,... được dùng để kết nối với một tay khoan nhanh nha khoa.	Túi 1 cái	Cái	30
20	476	N08.00.330	Mũi khoan đầu phẳng côn	Mũi khoan bằng thép không gỉ được phủ một lớp tinh thể kim cương. Là một dụng cụ xoay dùng để khoan các mô cứng như răng và xương,... được dùng để kết nối với một tay khoan nhanh nha khoa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	30
21	477	N08.00.330	Mũi khoan bóng tròn	Mũi khoan bằng thép không gỉ được phủ một lớp tinh thể kim cương. Là một dụng cụ xoay dùng để khoan các mô cứng như răng và xương,... được dùng để kết nối với một tay khoan nhanh nha khoa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	30
22	478	N08.00.330	Mũi khoan dạng đặc biệt	Mũi khoan bằng thép không gỉ được phủ một lớp tinh thể kim cương. Là một dụng cụ xoay dùng để khoan các mô cứng như răng và xương,... được dùng để kết nối với một tay khoan nhanh nha khoa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	30
23	479	N08.00.330	Mũi khoan đầu hình nón côn	Mũi khoan bằng thép không gỉ được phủ một lớp tinh thể kim cương. Là một dụng cụ xoay dùng để khoan các mô cứng như răng và xương,... được dùng để kết nối với một tay khoan nhanh nha khoa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	30
24	480	N08.00.330	Mũi khoan răng (Pro-2g)	Thiết kế với chóp nhọn giúp tạo lực khoan tập trung và hiệu quả, giúp nha sĩ thực hiện các thủ tục nha khoa một cách chính xác và nhanh. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	100
25	481		Cone giấy	Là loại vật liệu được làm từ giấy và được sử dụng trong nha khoa. Cone giấy thấm hút làm khô ống tủy trong quá trình điều trị nội nha. Độ thấm 4%, 5%, 6%. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Hộp 60 cái	Hộp	30
26	482		Xi măng hàn răng	Là bột dùng để hàn bit vĩnh viễn, giúp ngăn ngừa tái nhiễm khuẩn và tạo môi trường thuận lợi cho quá trình lành thương. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Hộp 23g	Hộp	3
27	483		Vật liệu điều trị tủy	Vật liệu điều trị tủy. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Lọ 30ml	Lọ	3
28	484		Vật liệu hàn răng	Vật liệu hàn răng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Gói 10 nhộng	Gói	300
29	485		Vật liệu soi mòn men răng	Vật liệu soi mòn men răng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Tuýp 5ml	Gói	10
30	486		Vật liệu chống ê buốt ngà răng	Vật liệu chống ê buốt ngà răng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	(Lọ 5ml)	Lọ	1
31	487		Vật liệu trám răng	Vật liệu trám răng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 10 g	Túi	5
32	488		Vật liệu hàn, trám bit ống tủy	Vật liệu hàn , trám bit ống tủy dạng bột. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Hộp 2g	Hộp	2
33	489		Gel bôi tê nước răng dùng trong nha khoa	Gel bôi tê nước răng dùng trong nha khoa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Lọ 29.6g	Lọ	5
34	490		Xi măng hàn răng (Chất hàn tạm)	Là vật liệu trám răng tạm thời mềm, dễ xử lý, không cần trộn và tự động đông cứng khi trám các lỗ sâu. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Lọ 30g	Lọ	20
35	491	N08.00.330	Mũi khoan nha khoa	Mũi khoan nha khoa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Vi 5 cái	Vi	100
36	492		Chi co nước, cầm máu Sure	Chi co nước, cầm máu. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Hộp 1 lọ	Lọ	2
37	493		Vật liệu dán hàn răng	Vật liệu dán hàn răng. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Lọ 6g	Chai	6

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
38	494		Dung dịch làm mềm và làm sạch ống tuý	Dung dịch làm mềm và làm sạch ống tuý Endo solution 200g (EDTA 17%). Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Chai 200g	Chai	2
39	495		Dung dịch rửa bơm ống tuý	Dung dịch bơm rửa ống tuý Chlorhexidine Digluconate 2% 400g. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Chai 400g	Chai	2
40	496		Dụng cụ trám răng nha khoa	Dụng cụ trám răng nha khoa. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Hộp 100 cái	Hộp	300
41	497		Móc xương gỗ má	Được làm bằng thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	2
42	498	N08.00.260	Kìm uốn nẹp	Được làm bằng thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	2
43	499	N08.00.260	Kìm cắt nẹp	Được làm bằng thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	2
44	500	N08.00.330	Mũi khoan xương mini 2.5	Được làm bằng thép không gỉ. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương	Túi 1 cái	Cái	5
45	501		File máy nội nha (25mm)	Vô trùng sử dụng trong nha khoa, tương thích với máy nội nha Rogin dental	Vi 6 cái	Vi	50
46	502		File máy nội nha (19mm)	Vô trùng sử dụng trong nha khoa, tương thích với máy nội nha Rogin dental	Vi 6 cái	Vi	20
47	503		Đầu rung nội nha	Dùng để rung rửa làm sạch ống tuý trong điều trị nội nha, chất liệu nhựa	Vi 6 cái	Cái	30
48	504		Chụp thép trẻ em	Bọc răng cho trẻ sử dụng chụp thép tiền chế không ri	48 cái/ bộ	Bộ	2
49	505		Kéo nhỏ phẫu thuật	Loại nhỏ trong nha khoa, tiêu biểu là kéo thẳng hoặc cong, kích thước khoảng $\geq 10$ cm, bằng thép không gỉ.	Túi 1 cái	Cái	2
50	506		Bẫy Osung	Dụng cụ nhỏ răng với lưỡi mỏng, cán kim loại chắc chắn. Giảm lực tác động, tăng hiệu quả và giảm đau cho bệnh nhân. Kích thước: 3mm, 5mm	Túi 1 cái	Cái	6
51	507		Bộ kim nhỏ răng sữa trẻ em	Là dụng cụ nha khoa chuyên dụng, thường bao gồm 7 cây được thiết kế nhỏ gọn, phù hợp với cấu trúc răng sữa và khoang miệng bé, giúp hạn chế tổn thương. Được làm từ thép không gỉ, tay cầm ngắn, lực ép nhẹ nhàng để hỗ trợ nha sĩ nhổ răng an toàn.	Túi 1 bộ	Bộ	1
52	508		Cục cán nha khoa các cỡ	Hỗ trợ chống môi miệng cho bệnh nhân khi thời gian điều trị cần kéo dài, các kích cỡ cho người lớn và trẻ em	Túi 1 cái	Cái	5
53	509		Ống hút phẫu thuật nhựa	Ống hút nước bọt sử dụng 1 lần. Chất liệu nhựa tốt, mềm mại dễ uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng.	Túi 1 cái	Cái	100
54	510		Ống hút nước bọt nha khoa	Ống hút nước bọt sử dụng 1 lần. Chất liệu nhựa tốt, mềm mại dễ uốn dẻo và giữ ổn định hình dạng.	Túi 1 cái	Cái	500
55	511		Khay inox (lấy dấu răng)	Khay inox lấy dấu răng (1 bộ đủ size), loại cá hàm và bán hàm	Túi 1 cái	Bộ	2

**Phụ lục 02: MẪU BÁO GIÁ**  
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 645/YCBG-BVBT/ ngày 04/5/2026)

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Bắc Thăng Long

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Bắc Thăng Long, chúng tôi .....(Tên đơn vị cung cấp báo giá)

Địa chỉ: Mã số thuế: Điện thoại: Email:

**1. Báo giá cho các hàng hóa và các dịch vụ liên quan:**

STT theo danh mục mời chào giá	Danh mục hàng hóa chào giá	Mã vật tư (Theo TT-BYT được sửa đổi bổ sung tại TT 24/2025/TT-BYT) (nếu có)	Tên thương mại (nếu có)	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS của hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (Bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí dịch vụ liên quan)	Thành tiền (VNĐ)	Số Giấy phép lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu (nếu có) hoặc tương đương	Phân loại TBYT	Giá trúng thầu tương tự trong 12 tháng (nếu có)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	.....																

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng 06 tháng, kể từ ngày hết hiệu lực của thời gian yêu cầu cung cấp báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phụ hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm 2026

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP HÃNG SẢN XUẤT, NHÀ CUNG CẤP**

(Ký tên, đóng dấu)